



TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

GIÁ TRỊ VỮNG BỀN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

Website: hoaphat.com.vn

MỤC LỤC

| | | |
|-----------------|--|-----------|
| Phần I | THÔNG TIN CHUNG | 3 |
| Phần II | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 14 |
| | Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 14 |
| | Báo cáo Ban Giám đốc | 16 |
| | Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2012 | 17 |
| | Tình hình tài chính | 20 |
| | Kế hoạch phát triển | 22 |
| | Các hoạt động trong năm | 23 |
| | Tổ chức nhân sự | 24 |
| | Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án | 28 |
| | Các công ty con | 29 |
| | Cơ cấu cổ đông | 40 |
| | Quan hệ cổ đông | 43 |
| | Hoạt động xã hội | 44 |
| | Nghiên cứu phát triển | 46 |
| Phần III | TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY | 48 |
| | Đánh giá của HĐQT | 49 |
| | Ban Kiểm soát | 58 |
| Phần IV | BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN | 60 |



THÔNG TIN CHUNG





TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

| | |
|-----------------------------------|---|
| Tên giao dịch: | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát |
| Giấy CN ĐKKD số: | 0900189284 |
| Vốn điều lệ: | 4.190.525.330.000 đồng |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 4.190.525.330.000 đồng |
| Địa chỉ: | KCN Phố Nối A, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên |
| Văn phòng: | 39 Nguyễn Đình Chiểu, Hai Bà Trưng, Hà Nội |
| Điện thoại: | (84) 4 62848666 |
| Fax: | (84) 4 62833456 |
| Chi nhánh Đà Nẵng: | 171 Trường Chinh, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng |
| Điện thoại: | (84) 511 3721232 |
| Fax: | (84) 511 3722833 |
| Chi nhánh TP HCM: | 129 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, TP HCM |
| Điện thoại: | (84) 8 35129896 |
| Fax: | (84) 8 38991730 |
| Website: | www.hoaphat.com.vn |



THÔNG TIN CỔ PHIẾU

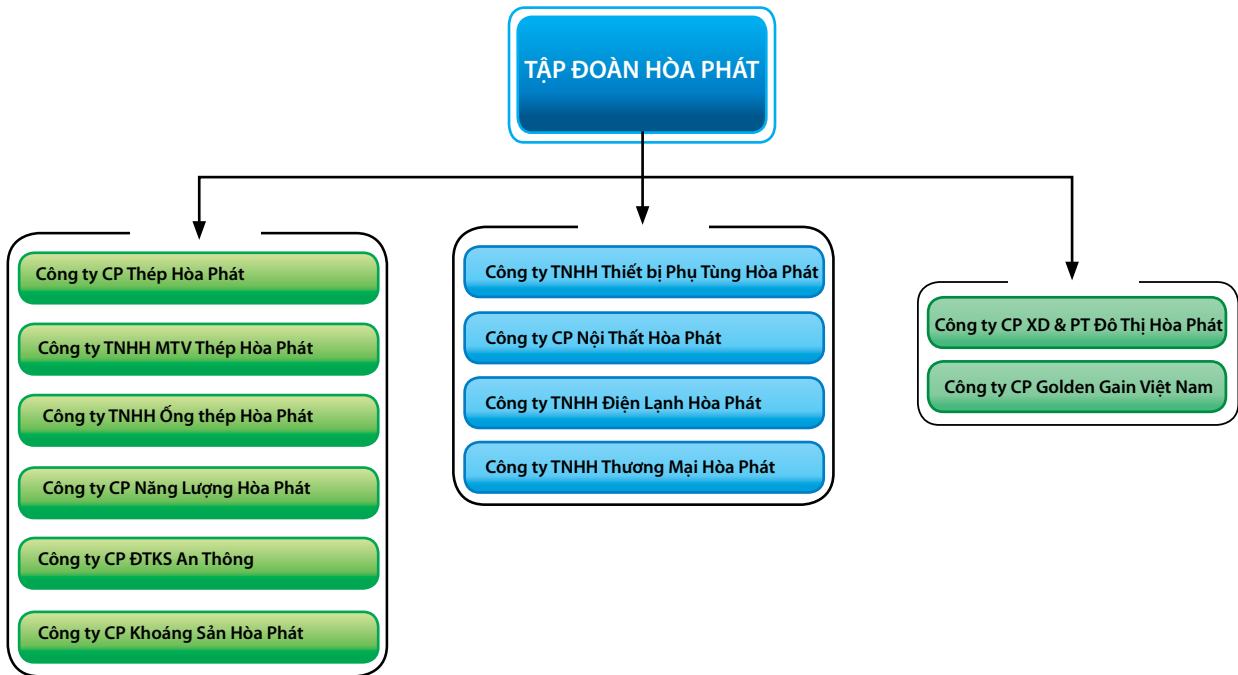
| | |
|-----------------------------|----------------------|
| Mã chứng khoán: | HPG |
| Sàn niêm yết: | HOSE |
| Ngày bắt đầu niêm yết: | 15/11/2007 |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành: | 419.052.533 cổ phiếu |

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

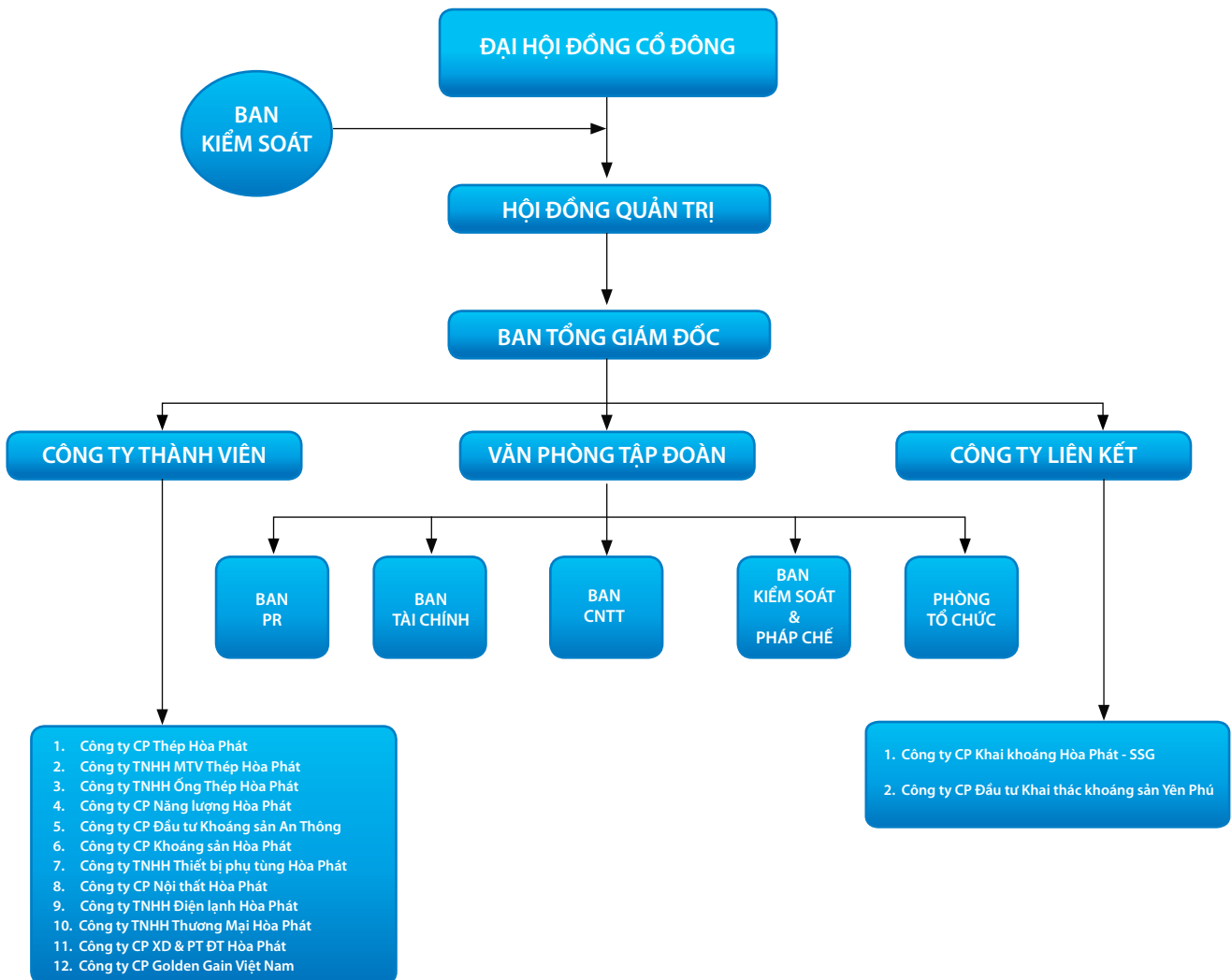
1. Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép;
2. Sản xuất cán kéo thép, sản xuất tôn lợp;
3. Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống Inox;
4. Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
5. Luyện gang, thép; Đúc gang, sắt, thép;
6. Sản xuất và bán buôn than cốc;
7. Khai thác quặng kim loại; Mua bán kim loại, quặng kim loại, sắt thép phế liệu;
8. Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
9. Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình, trường học;
10. Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hòa không khí;
11. Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
12. Kinh doanh bất động sản



MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tóm tắt các chỉ số tài chính

| Chỉ tiêu (Đơn vị: đồng) | 2010 | 2011 | 2012 |
|------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Doanh thu thuần | 14.267.083.816.360 | 17.851.896.561.575 | 16.826.851.892.984 |
| Giá vốn hàng bán | 11.808.395.972.087 | 14.979.112.891.099 | 14.341.642.566.494 |
| Lợi nhuận gộp | 2.458.687.844.274 | 2.872.783.670.476 | 2.485.209.326.490 |
| Chi phí bán hàng | 179.343.647.597 | 217.417.162.245 | 274.039.974.293 |
| Chi phí quản lý | 274.508.673.773 | 401.754.381.560 | 586.966.481.317 |
| Lợi nhuận khác | 2.414.875.909 | -13.166.531.076 | 14.943.260.928 |
| EBIT | 2.007.250.398.813 | 2.240.445.595.595 | 1.639.146.131.809 |
| Chi phí khấu hao | 358.821.928.950 | 541.922.822.267 | 596.227.337.059 |
| EBITDA | 2.366.072.327.763 | 2.782.368.417.862 | 2.235.373.468.868 |
| Chi phí tài chính ròng | (489.089.554.389) | (740.551.762.773) | (420.399.492.992) |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.564.151.094.067 | 1.489.142.843.681 | 1.218.205.340.655 |
| Thuế TNDN | 187.835.007.287 | 192.292.340.003 | 187.699.911.137 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.376.316.086.780 | 1.296.850.503.678 | 1.030.505.429.517 |
| Tài sản ngắn hạn | 7.866.093.787.662 | 9.485.630.335.670 | 10.220.788.345.768 |
| Tài sản dài hạn | 7.037.564.444.437 | 8.039.052.690.405 | 8.794.975.115.778 |
| Tổng tài sản | 14.903.658.232.099 | 17.524.683.026.074 | 19.015.763.461.546 |
| Tổng vay ngắn hạn và dài hạn | 5.566.493.637.903 | 6.424.215.216.403 | 6.305.957.434.476 |
| Vốn chủ sở hữu | 6.398.095.940.359 | 7.413.804.561.023 | 8.085.135.114.809 |
| Chỉ số tài chính | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 17,23% | 16,09% | 14,77% |
| Tỷ suất EBITDA | 16,58% | 15,59% | 13,28% |
| Tỷ suất EBIT | 14,07% | 12,55% | 9,74% |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế | 9,65% | 7,26% | 6,12% |
| Tăng trưởng doanh thu thuần | 75,63% | 25,13% | -5,74% |
| Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế | 8,31% | -5,77% | -20,54% |
| Chỉ số thanh toán nhanh (lần) | 0,52 | 0,45 | 0,43 |
| Nợ vay trên vốn CSH | 87,00% | 86,65% | 77,99% |
| Thu nhập trên Vốn chủ sở hữu (ROE) | 22% | 17,5% | 12,7% |
| Thu nhập trên Tổng tài sản (ROA) | 9,2% | 7,4% | 5,4% |
| EPS | 4.115 | 3.573 | 2.386 |

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến ngày 31/12/2012 Tập đoàn Hòa Phát có 12 công ty con và 2 công ty liên kết:

| STT | Công ty con | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính | Vốn điều lệ đã góp (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu của HPG |
|-----|---|--|--|------------------------------|----------------------|
| 1 | Công ty CP Thép Hòa Phát | Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc. | 2.000 | 85,00% |
| 2 | Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát | Khu CN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. | Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại. | 600 | 100% |
| 3 | Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. | Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép. | 350 | 99,86% |
| 4 | Công ty CP Năng lượng Hòa Phát | Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại. | 1.000 | 99,89% |
| 5 | Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông | Số 415, đường Trần Phú, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang. | Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt. | 400 | 99,95% |
| 6 | Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát | Khu CN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. | Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt, bô xít, các kim loại quý hiếm; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất than cốc, thạch cao, vôi, kim loại màu và kim loại quý; đúc sắt thép và kim loại màu. | 150 | 99,8% |
| 7 | Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. | Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa. | 180 | 99,72% |

| STT | Công ty con | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính | Vốn điều lệ đã góp (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu của HPG |
|-------------------------|---|--|--|-------------------------------|----------------------|
| 8 | Công ty CP Nội thất Hòa Phát | Đường B4, khu B, Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. | Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất. | 250 | 99,60% |
| 9 | Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát | Khu CN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. | Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh. | 150 | 99,67% |
| 10 | Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. | Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt thép các loại, vật liệu xây dựng, đồ nội thất, máy điều hòa, máy giặt, tủ lạnh. | 50 | 99,00% |
| 11 | Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. | Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật. | 300 | 99,67% |
| 12 | Công ty CP Golden Gain Việt Nam | Khu N03, khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, đường Hoàng Minh Giám, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội. | Kinh doanh bất động sản. | 433,125 | 84,954% |
| Công ty liên kết | | | | | |
| 1 | Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG | Số nhà 55B, đường Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, TP Kon tum. | Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt không chứa sắt; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; và sản xuất than cốc, vôi, thạch cao. | 14,828 | 38% |
| 2 | Công ty CP Đầu tư Khai thác Khoáng Sản Yên Phú | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. | Khai thác mỏ và quặng sắt; sản xuất than cốc; sản xuất sắt, thép, gang và khai thác và thu gom than non, than bùn và quặng bô xít. | 2,85 | 50% |



TỔNG QUAN

Hòa Phát là một trong những Tập đoàn sản xuất công nghiệp tư nhân hàng đầu Việt Nam. Khởi nghiệp từ một Công ty chuyên kinh doanh các loại máy xây dựng vào tháng 8/1992, Hòa Phát lần lượt mở rộng sang các lĩnh vực Nội thất (1995), Ống thép (1996), Thép (2000), Điện lạnh (2001), Bất động sản (2001). Năm 2007, Hòa Phát tái cấu trúc theo mô hình Tập đoàn, trong đó Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát giữ vai trò là Công ty mẹ cùng các Công ty thành viên. Ngày 15/11/2007, Hòa Phát chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán “HPG”.

Sau thời điểm tái cấu trúc, Hòa Phát có nhiều bước tiến mạnh mẽ trong đó nổi bật nhất là triển khai Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép tại Hải Dương với công nghệ lò cao, dây chuyền đồng bộ khép kín từ quặng sắt đến thép thành phẩm và tham gia vào lĩnh vực khai thác khoáng sản để tạo đầu vào cho sản xuất thép. Hiện nay Hòa Phát là 1 trong 3 Doanh nghiệp sản xuất thép xây dựng lớn nhất Việt Nam.

Đến nay Tập đoàn Hòa Phát có 12 Công ty thành viên với các lĩnh vực hoạt động chính là Sản xuất Thép – Khai thác khoáng sản – Sản xuất than coke - Kinh doanh Bất động sản – Sản xuất nội thất – Sản xuất máy móc, thiết bị xây dựng với các Nhà máy và chi nhánh tại Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, TPHCM, Bình Dương.

Sản xuất thép và các sản phẩm liên quan như than coke, quặng sắt chiếm 83,6% tỷ trọng doanh thu là lĩnh vực chủ lực của Tập đoàn. Nội thất Hòa Phát là một thương hiệu uy tín với thị phần lớn nhất Việt nam về hàng nội thất văn phòng. Ngoài ra kinh doanh bất động sản, khu công nghiệp, khu đô thị cũng là một lĩnh vực mũi nhọn của Tập đoàn.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

“ Thiết lập nền tảng vững chắc để là MỘT trong những nhà sản xuất công nghiệp hàng đầu của Việt Nam với THÉP là ngành sản xuất cốt lõi”



CÁC RỦI RO

Rủi ro về bối cảnh kinh tế và chính sách luật pháp:

- **Bối cảnh chung:** Kinh tế Việt Nam năm vừa qua chịu ảnh hưởng xấu từ diễn biến bất lợi của kinh tế thế giới dẫn đến thị trường trong nước thu hẹp, sức mua giảm mạnh, hàng tồn kho lớn. Trong bối cảnh đó, số doanh nghiệp bị giải thể, đình đốn sản xuất (đặc biệt là khối doanh nghiệp liên quan đến xây dựng, bất động sản) tăng cao.

- **Giải pháp của HPG:** Ban lãnh đạo đã xác định rõ chiến lược kinh doanh ngay từ đầu năm: tập trung vào các ngành truyền thống, cơ cấu lại một số lĩnh vực dự án, cắt giảm chi tiêu, kiện toàn nhân sự, phản ứng linh hoạt với biến động của thị trường nói chung và thị trường tài chính nói riêng.

- **Kết quả:** Kết thúc một năm đầy sóng gió, HPG vẫn cán đích thành công kế hoạch lợi nhuận (đạt 1.031 tỷ đồng lợi nhuận/906 tỷ đồng lợi nhuận kế hoạch) tuy nhiên chỉ đạt 94% kế hoạch doanh thu

tỷ trọng lớn ở một số công ty trong Tập đoàn đặc biệt các Công ty sản xuất thép, nên sự biến động của tỷ giá ngoại tệ đặc biệt là USD/VND vẫn là vấn đề lớn mà Tập đoàn đặc biệt quan tâm.

- **Giải pháp:** Trong suốt năm 2012, tỷ lệ vay ngoại tệ trên tổng vốn vay luôn được duy trì ở mức hợp lý. Trên cơ sở chính sách điều hành tỷ giá tiền tệ năm 2012 của NHNN cũng như những nhận định về mức độ ổn định của tỷ giá, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã chỉ đạo các Công ty con duy trì tỷ lệ vay ngoại tệ cao hơn mọi năm để tận dụng mức lãi suất cho vay ngoại tệ thấp hơn VND. Bộ phận tài chính Tập đoàn cũng theo sát tình hình biến động tỷ giá để đưa ra các quyết định giao dịch hợp lý.

- **Kết quả:** Chi phí tài chính của toàn Tập đoàn đã giảm đáng kể so với năm trước. Chi phí lãi vay chỉ còn 527 tỷ đồng, giảm 31% so với 765 tỷ đồng của năm 2011.



Rủi ro về thị trường tài chính đặc biệt là rủi ro về tỷ giá

- **Bối cảnh chung:** Các quyết sách rõ ràng và minh bạch của NHNN trong công tác điều hành chính sách tỷ giá nửa đầu năm 2012, cùng với diễn biến khả quan của cung – cầu ngoại tệ trong nền kinh tế đã giúp diễn biến tỷ giá USD/VND trong suốt năm 2012 tiếp tục duy trì xu thế ổn định. Tuy nhiên với đặc thù nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào luôn chiếm một



Rủi ro về nhân sự:

- **Bối cảnh chung:** Với 8.084 CBCNV đến từ nhiều vùng miền, tuổi đời lao động trẻ, HPG đánh giá biến động về nhân sự thường xuyên là vấn đề cần đặc biệt quan tâm giải quyết. Bên cạnh đó, do nhu cầu của sự phát triển, đội ngũ nhân sự của Tập đoàn cũng luôn đứng trước yêu cầu nâng cao trình độ ...

- **Giải pháp:** Công ty đã có những chính sách khuyến khích người lao động như chế độ nghỉ mát, du lịch, thưởng sáng kiến cải tiến, khen thưởng thi đua để người lao động gắn bó lâu dài. Mặt bằng thu nhập ổn định và tăng trưởng từ 15 đến 20% qua từng năm. Bên cạnh đó, hoạt động kiện toàn cơ cấu ngành nghề tại một số bộ phận cũng luôn được xem xét. Hòa Phát thường xuyên phối hợp với các trường đào tạo nghề chuyên biệt để tuyển dụng lao động trình độ cao, kết hợp với đào tạo tại chỗ, đào tạo nội bộ cũng như tạo điều kiện cho CBCNV đi học nâng cao tay nghề chuyên môn.

- **Kết quả:** Lực lượng lao động của Hòa Phát luôn duy trì ổn định về mặt số lượng, chất lượng lao động thường xuyên được nâng cao. Ban Lãnh đạo đánh giá chất lượng lao động hiện tại của Hòa Phát đáp ứng được yêu cầu phát triển và định hướng dài hạn của Tập đoàn.

Rủi ro về Quy trình kiểm soát nội bộ

- **Bối cảnh chung:** Năm 2012, mặc dù Hòa Phát đã có nhiều cố gắng trong việc nâng cao chất lượng kiểm soát nội bộ nhưng do đặc thù và tính chất phức tạp của các giao dịch, vẫn có một số sai sót trong quá trình thực hiện. Điều này cho thấy Quy trình kiểm soát nội bộ của Tập đoàn vẫn còn nhiều lỗ hổng cần phải cải tiến và hoàn thiện hơn.

- **Giải pháp:** Bên cạnh việc trích lập dự phòng cho các rủi ro liên quan đến tài chính, HĐQT HPG đã chỉ đạo các bộ phận liên quan rà soát lại quy trình, xem xét lại định mức và thẩm quyền phê duyệt giá trị các giao dịch, tăng cường sự quản lý của Công ty mẹ với các Công ty con.... Đồng thời cũng xem xét việc thuê tư vấn hoàn thiện quy trình kiểm soát để đảm bảo công tác kiểm soát nội bộ hiệu quả và tiến gần tới các chuẩn mực về kiểm soát nội bộ.



Rủi ro về tín dụng

- **Bối cảnh chung:** Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Hòa Phát nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu của Tập đoàn. Đối với Hòa Phát, không có rủi ro từ tiền gửi ngân hàng hay các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn. Rủi ro chủ yếu đến từ khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng.

- **Giải pháp:** Ban điều hành và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc của Công ty mẹ và các công ty con. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Trong những trường hợp cần thiết, Hòa Phát sẽ yêu cầu sự đảm bảo của bên thứ 3 cho những nghĩa vụ phải trả của khách hàng.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**“Vững vàng vượt qua khó khăn” có thể
là cụm từ chính xác nhất để đánh giá về
Tập đoàn Hòa Phát năm 2012.**

Thưa Quý cổ đông,

“Khủng hoảng”, “khó khăn”, “suy giảm” là những khái niệm được nhắc đến nhiều nhất trong các nhận định về kinh tế Việt Nam và thế giới trong 2 năm trở lại đây. Tuy nhiên, trong khuôn khổ Báo cáo thường niên 2012 của Tập đoàn Hòa Phát, những khái niệm này không xuất hiện quá nhiều bởi chúng tôi đánh giá Hòa Phát đã đạt được những thành tựu nhất định so với mặt bằng chung.

Tổng kết năm 2012, toàn Tập đoàn đạt 17.122 tỷ đồng doanh thu, bằng 94% kế hoạch và 1.031 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, vượt 14% so với kế hoạch. Chính nền tảng phát triển bền vững, quy mô sản xuất lớn, quy trình sản xuất khép kín đã giúp Hòa Phát vượt qua năm thứ 20 trong hành trình phát triển với kết quả khả quan.

Trong ba mảng hoạt động chính, sản xuất thép vẫn là ngành hàng chủ lực của Hòa Phát với tỷ trọng 83,6% doanh thu và 70,8% lợi nhuận sau thuế, đồng thời vẫn là mảng hoạt động tốt nhất của Hòa Phát trong năm vừa qua. Nhóm ngành sản xuất công nghiệp khác và bất động sản cũng ghi nhận những kết quả ổn định, đặc biệt mảng bất động sản của Hòa Phát được đánh giá là điểm sáng hiếm hoi của thị trường bất động sản năm 2012.

Trên góc độ quản trị, Công ty mẹ đã phát huy tốt vai trò của mình trong việc hoạch định chiến lược phát triển của Tập đoàn và riêng từng ngành hàng, chủ động đưa ra các chiến lược và sách lược đối với từng ngành hàng tại từng thời điểm để có thể ứng phó với tình hình một cách linh hoạt nhất.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hòa Phát nhận định khá khả quan về tình hình năm 2013 và xác định nhiệm vụ lớn nhất của Hòa Phát trong năm nay là hoàn thành xây dựng giai đoạn 2 KLH gang thép Hòa Phát tại Hải Dương để chính thức đưa vào vận hành từ tháng 7 nâng tổng công suất sản xuất thép xây dựng của Hòa Phát sẽ đạt 1.15 triệu tấn/năm kể từ năm 2014.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý vị cổ đông, cảm ơn sự hợp tác bền chặt của khách hàng và đối tác trong thời gian qua. Đặc biệt, tôi xin dành lời cảm ơn và sự khích lệ tới toàn thể CBCNV Tập đoàn đã nỗ lực tạo dựng thành công của Hòa Phát trong suốt 20 năm qua.

Trân trọng,
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Đình Long



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Ảnh hưởng từ những diễn biến bất lợi của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là từ cuộc khủng hoảng tài chính và nợ công châu Âu chưa được giải quyết, kinh tế Việt Nam năm 2012 đã trải qua không ít khó khăn trên cả góc độ vĩ mô và vi mô. GDP 2012 ước tính tăng 5.03% so với năm 2011, thấp hơn so với kế hoạch đề ra, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4.52%.

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Hòa Phát cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng, tuy nhiên với nền tảng sản xuất công nghiệp ổn định, Hòa Phát đã vững vàng vượt qua năm 2012. Tổng kết năm, toàn Tập đoàn đạt 17.122 tỷ đồng doanh thu và 1.031 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, bằng 94% và 114% so với kế hoạch đề ra.

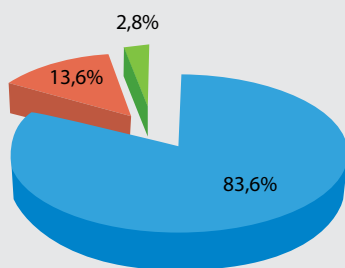
| Chỉ tiêu | Năm 2011 (tỷ đồng) | Năm 2012 (tỷ đồng) | Kế hoạch năm 2012 (tỷ đồng) | % Tăng trưởng | % Thực hiện so với kế hoạch |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------|-----------------------------|
| Tổng doanh thu | 18.093 | 17.122 | 18.200 | -5% | 94% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.297 | 1.031 | 906 | -21% | 114% |

Sự sụt giảm doanh thu, lợi nhuận của HPG là do những nguyên nhân chính sau:

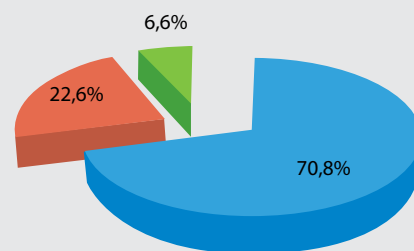
- Năm 2012 vẫn là năm tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Tổng cầu suy giảm mạnh do chính sách vĩ mô của Chính Phủ nhằm kiềm chế lạm phát, không chú trọng vấn đề tăng trưởng và người dân có xu hướng cắt giảm chi tiêu dẫn tới doanh thu Tập đoàn giảm 5% so với năm trước.

- Tốc độ giảm giá nguyên vật liệu đầu vào dùng cho sản xuất của Tập đoàn chậm hơn tốc độ giảm giá bán sản phẩm dẫn tới lợi nhuận gộp giảm đến 13%, đây là nguyên nhân chính làm lợi nhuận ròng của toàn Tập đoàn sụt giảm so với năm 2011.

Tỷ trọng Doanh thu năm 2012



Tỷ trọng Lợi nhuận sau thuế năm 2012



■ Thép ■ Sản xuất Công nghiệp khác ■ Bất động sản



Năm 2012 sản lượng tiêu thụ toàn ngành thép xây dựng trong nước sụt giảm 6,96% so với năm 2011 do những khó khăn chủ yếu sau:

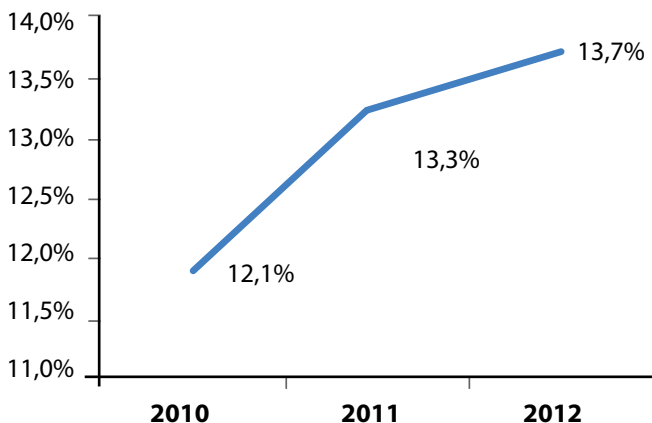
- Nhu cầu giảm mạnh, tiêu thụ khó khăn khiến nhiều Nhà máy thép phải tiết giảm sản xuất thậm chí đóng cửa do thua lỗ
- Sức tiêu thụ chậm và cạnh tranh khốc liệt trong ngành dẫn đến giá bán thép giảm, trong khi giá nguyên liệu đầu vào lại thường xuyên biến động và có xu hướng tăng vào các tháng cuối năm khiến lợi nhuận giảm sút
- Thép Việt Nam phải cạnh tranh khốc liệt với nguồn thép giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc

Không tránh khỏi ảnh hưởng, tuy nhiên sản lượng tiêu thụ thép xây dựng Hòa Phát chỉ giảm 5,18%, tương ứng với 611.592 tấn, thấp hơn so với mức giảm chung của ngành. **Nhóm ngành sản xuất thép** vẫn là mảng sản xuất kinh doanh có đóng góp lớn nhất vào tổng doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn, chiếm 83,6% doanh thu và 70,8% lợi nhuận sau thuế. Trong thời điểm khó khăn riêng của ngành, các công ty sản xuất kinh doanh trong mảng thép của Hòa Phát đã nỗ lực về đích với kết quả khá cao. Tổng công suất thép xây dựng của Hòa Phát hiện tại là 650.000 tấn/năm, trong đó các nhà máy ở Khu liên hợp dẫn đạt công suất thiết kế, năm 2012 đã đóng góp 310.000 tấn thép trong tổng sản lượng 611.600 tấn tiêu thụ của toàn Tập đoàn.

Lợi thế cạnh tranh lớn nhất của thép Hòa Phát chính là Khu liên hợp sản xuất gang thép tại Kinh Môn - Hải Dương. KHLH gang thép khẳng định lợi thế cạnh tranh của thép Hòa Phát từ quy mô và quy trình sản xuất khép kín. Dây chuyền sản xuất thép lò cao từ đầu vào là quặng sắt do các Công ty khoáng sản trong Tập đoàn khai thác và chế biến cùng than coke tự sản xuất đã giúp Hòa Phát chủ động về đầu vào và tiết giảm đáng kể chi phí sản xuất. Thị phần đứng thứ 2 toàn quốc với 13,7%, hệ thống phân phối bao phủ rộng khắp, không ngừng cải tiến công nghệ giúp tăng năng suất lao động và tiết kiệm năng lượng cũng là những nhân tố đóng góp không nhỏ vào việc tăng khả năng cạnh tranh của thép Hòa Phát trên thị trường.



Thị phần tiêu thụ thép xây dựng Hòa Phát qua các năm



Thống kê sản lượng, thị phần 5 DN thép xây dựng đứng đầu thị trường

| | Công suất thiết kế hiện tại (ngàn tấn) | Năm 2011 | | | Năm 2012 | | |
|------------------|--|-------------------------------|-------------------------------|--------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------|
| | | Sản lượng sản xuất (ngàn tấn) | Sản lượng tiêu thụ (ngàn tấn) | Thị phần (%) | Sản lượng sản xuất (ngàn tấn) | Sản lượng tiêu thụ (ngàn tấn) | Thị phần (%) |
| Pomina | 1.100 | 755 | 747 | 15,60% | 686 | 697 | 15,6% |
| Hòa Phát | 650 | 654 | 644 | 13,30% | 621 | 611 | 13,7% |
| Tisco | 600 | 611 | 589 | 12,30% | 540 | 513 | 11,5% |
| VNS | 450 | 392 | 392 | 8,20% | 392 | 395 | 8,8% |
| Vinakyoei | 400 | 383 | 374 | 7,80% | 400 | 402 | 9,0% |

Nguồn: VSA

Bên cạnh thép xây dựng, năm 2012, ống thép đã về đích từ đầu Quý IV và vượt kế hoạch lợi nhuận của năm. Hoạt động sản xuất Ống thép tiếp tục được duy trì và mở rộng, đây chuyển tôn mạ kẽm thứ 2 đi vào sản xuất ổn định sớm hơn kế hoạch, kết hợp với chủ trương tăng cường hoạt động thương mại tôn nguyên liệu các loại đã giúp công ty đạt tổng sản lượng tiêu thụ 164.000 tấn trong năm qua, tiếp tục khẳng định vị thế là nhà sản xuất Ống thép hàng đầu Việt Nam.

Hòa Phát vẫn chú trọng đầu tư vào mảng khoáng sản và năng lượng để đảm bảo nguồn nguyên liệu cho Khu liên hợp Gang thép. Hai công ty con - An Thông và Khoáng sản vẫn tiếp tục các Dự án khai thác và chế biến tinh quặng cung cấp cho lò cao. Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát cũng đã đầu tư xong Giai đoạn II nâng tổng công suất lên 700.000 tấn coke/ năm. Công ty còn chủ động tìm kiếm nguồn than Antracit nhập khẩu để đa dạng nguồn hàng, giúp Hòa Phát chủ động hơn cho sản xuất, tiết kiệm chi phí đầu vào từ đó hạ giá thành sản xuất thép.

Nhóm ngành sản xuất công nghiệp khác của Tập đoàn cũng ghi nhận những kết quả ổn định, đóng góp khoảng 13,6% vào tổng doanh thu và 22,6% vào lợi nhuận toàn Tập đoàn. Những ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, sức mua giảm cộng thêm sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn trên thị trường hàng nội thất... đã ảnh hưởng không

nhỏ đến hoạt động của ngành hàng này. Dù vậy, doanh thu năm 2012 của Công ty nội thất Hòa Phát vẫn đạt kế hoạch, trong đó mảng xuất khẩu đạt hơn 45 tỷ đồng, tăng 13% so với 2011. Tiếp sức trong nhóm ngành sản xuất công nghiệp, Điện lạnh cũng đã vượt gần 30% chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm, tiếp tục giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới.

Với việc ghi nhận gần như toàn bộ doanh thu và chi phí của dự án chung cư 257 Giải Phóng trong năm 2012, **nhóm ngành Bất động sản** đóng góp 488 tỷ đồng doanh thu và 117 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Theo báo điện tử Vneconomy, “HPG là một điểm sáng hiếm hoi trong ngành vật liệu xây dựng, bất động sản trong năm vừa qua có kết quả kinh doanh tốt”. Vào thời điểm khó khăn nhất của thị trường bất động sản, Hòa Phát vẫn tập trung vào việc đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án. Khu phức hợp Mandarin Garden đang gấp rút thi công đảm bảo tiến độ bàn giao căn hộ đầu tiên vào tháng 9/2013, sớm hơn kế hoạch đề ra 3 tháng. Đặc biệt, với chính sách bán hàng mới được triển khai từ tháng 10/2012, chỉ trong vòng 3 tháng cuối năm HPG đã bán được thêm 200 căn hộ, nâng số lượng căn hộ được bán đến cuối tháng 2/2013 là trên 500 căn. Doanh thu từ bán căn hộ Mandarin Garden sẽ được ghi nhận khi căn hộ được bàn giao đến tay khách hàng.

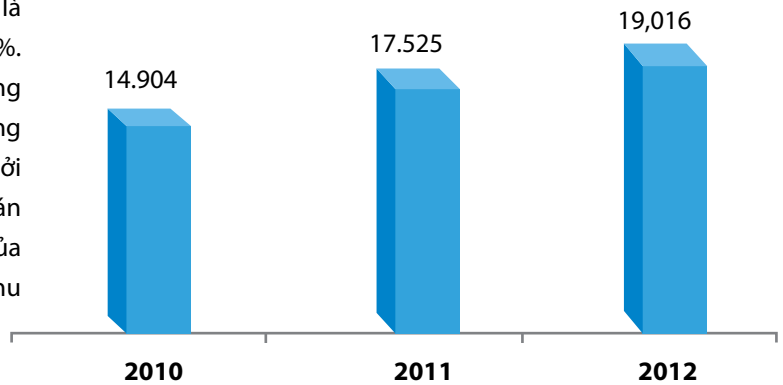


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

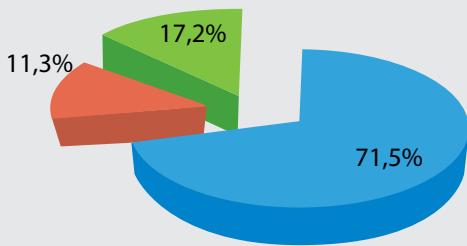
TÌNH HÌNH TÀI SẢN:

Tổng tài sản của Tập đoàn tại 31/12/2012 đạt 19.016 tỷ đồng. So với năm 2011, tổng tài sản đã tăng thêm 1.491 tỷ tương đương tăng 8,5%, trong đó tài sản dài hạn tại 31/12/2012 là 8.795 tỷ tăng 9.4%, tài sản ngắn hạn là 10.221 tỷ tăng 7,8%. Cơ cấu tài sản toàn Tập đoàn trong năm cũng có xu hướng chuyển dịch tăng tỷ trọng tài sản khối thép và khối bất động sản. Việc tăng tài sản trong năm được lý giải chủ yếu bởi việc hạch toán khối lượng hoàn thành tăng thêm của dự án Mandarin Garden vào tài sản ngắn hạn, còn phần tăng của tài sản dài hạn chủ yếu do việc đầu tư vào Giai đoạn 2 Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát.

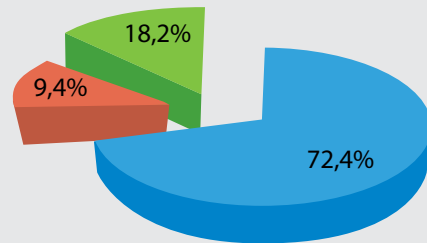
Tăng trưởng Tổng tài sản của Tập đoàn Hòa Phát 3 năm từ 2010 - 2012 (tỷ đồng)



Cơ cấu tài sản phân bổ theo nhóm ngành năm 2011



Cơ cấu tài sản phân bổ theo nhóm ngành năm 2012



■ Thép ■ Sản xuất Công nghiệp khác ■ Bất động sản

Tại ngày 31/12/2012, vốn chủ sở hữu là 8.085 tỷ đồng, tăng thêm 671 tỷ tương ứng với 9,1% so với năm 2011, trong đó vốn điều lệ tăng từ 3.178 tỷ lên 4.191 tỷ do trong năm Tập đoàn tiến hành chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 10% cho năm 2010 và 20% cho năm 2011.

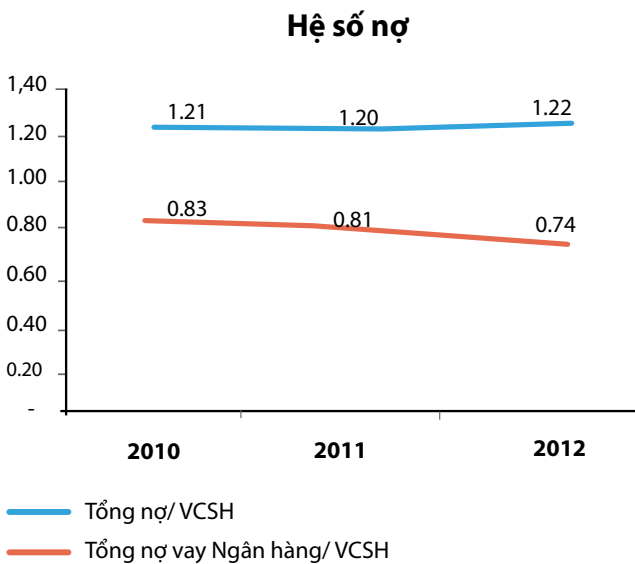
Những khó khăn của nền kinh tế cũng ảnh hưởng tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Hòa Phát. Chỉ số tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) đều sụt giảm so với năm 2011. ROA của năm 2012 đạt 5.4% so với mức 7.4% của năm 2011, chỉ

số ROE cũng giảm xuống 12,7% so với mức 17,5% của năm 2011.

Do trong năm 2012 Tập đoàn tiếp tục đầu tư các dự án lớn nên giá trị tài sản tăng trong khi các dự án đó vẫn chưa đi vào hoạt động khiến cho hệ số vòng quay tổng tài sản giảm xuống còn 0,88 vòng/năm. Tuy nhiên, về dài hạn, khi các dự án đi vào hoạt động, hệ số vòng quay tổng tài sản chắc chắn sẽ cải thiện tốt nhờ doanh thu từ đầu tư các tài sản này mang lại.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tổng nợ phải trả tại 31/12/2012 là 10.438 tỷ, tăng 9,2% so với năm 2011. Tuy nhiên, vay và nợ ngân hàng đến cuối năm giảm 118 tỷ, cụ thể, vay và nợ ngắn hạn là 4.850 tỷ, vay và nợ dài hạn là 1.456 tỷ. Hệ số nợ vay ngân hàng trên vốn chủ sở hữu và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 0,74 và 1,22. So với hệ số vay nợ ở mức trung bình ngành sản xuất công nghiệp nặng, thì hệ số vay nợ của Tập đoàn đang ở mức an toàn và cho thấy khả năng tài chính luôn đảm bảo để duy trì hoạt động đầu tư & sản xuất kinh doanh.

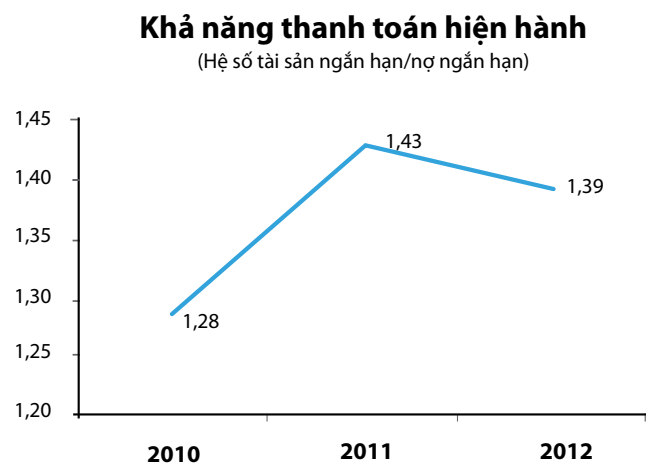


| Chỉ tiêu | 2010 | 2011 | 2012 |
|-----------------------------------|------|------|------|
| Khả năng thanh toán hiện thời (%) | 1.28 | 1.43 | 1.39 |
| Khả năng thanh toán nhanh (%) | 0.5 | 0.4 | 0.4 |

Chi phí lãi vay toàn Tập đoàn trong năm 2012 là 527 tỷ giảm 31% so với năm 2011. Chính sách điều tiết lãi suất của Nhà nước đã tạo điều kiện cho Hòa Phát được sử dụng nguồn vốn vay nợ với mức hợp lý. Lãi suất đi vay trung bình trong năm của tập đoàn là 8%, đây là mức lãi suất khá cạnh tranh so với mặt bằng chung các doanh nghiệp trên thị trường, tận dụng được nguồn vốn này cũng góp phần giảm bớt chi phí và gánh nặng trả lãi.

HỆ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Năm 2012, các hệ số thanh toán của Tập đoàn gần như không thay đổi so với năm 2011. Khả năng thanh toán hiện thời ở mức 1,39 lần và khả năng thanh toán nhanh là 0.4 lần. Hệ số khả năng thanh toán hiện thời là 1,39 lần cho thấy Tập đoàn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và tình hình tài chính hoàn toàn khả quan.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2012, Hòa Phát tiếp tục đẩy mạnh quản trị theo mô hình tập đoàn tiên tiến của thế giới. Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát với vai trò công ty mẹ hoạt động chuyên biệt về đầu tư tài chính, quản trị và hỗ trợ các công ty con về các mặt chuyên môn, hoạch định chiến lược kinh doanh, không tham gia sản xuất trực tiếp. Đối với công tác hành chính quản trị nhân sự, Hòa Phát cơ bản hoàn thiện việc định biên

nhân sự, tinh giản bộ máy, đồng thời xây dựng chính sách quản lý, phúc lợi chung của cả Tập đoàn cũng như các hình thức khoán, chính sách đãi ngộ chuyên biệt cho một số đơn vị sản xuất nhằm phát huy tối đa sức sáng tạo của người lao động, tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm tối đa các chi phí quản lý phát sinh.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Ban điều hành Tập đoàn Hòa Phát nhận định mặc dù còn tiếp tục khó khăn nhưng nền kinh tế Việt Nam sẽ có mức tăng trưởng tốt hơn trong năm 2013. Do đó, Ban Lãnh đạo Tập đoàn đã trình HĐQT thông qua kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế cao hơn so với năm 2012 khoảng 8% và 16%. Các chính sách điều hành cơ bản như: Đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng hóa, giảm lượng hàng hóa và nguyên vật liệu tồn kho giá cao, phản ứng linh hoạt với sự biến động của tỷ giá, xem xét thận trọng các kế hoạch đầu tư hiện tại và trong năm tới, đảm bảo dòng tiền lành mạnh và bảo toàn vốn vẫn luôn được các công ty trong Tập đoàn nghiêm chỉnh tuân thủ.

Trên cơ sở đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu, cũng như nhận định về tình hình thị trường, Ban lãnh đạo Tập đoàn dự kiến kế hoạch năm 2013 như sau:

Doanh thu: 18.500 tỷ đồng

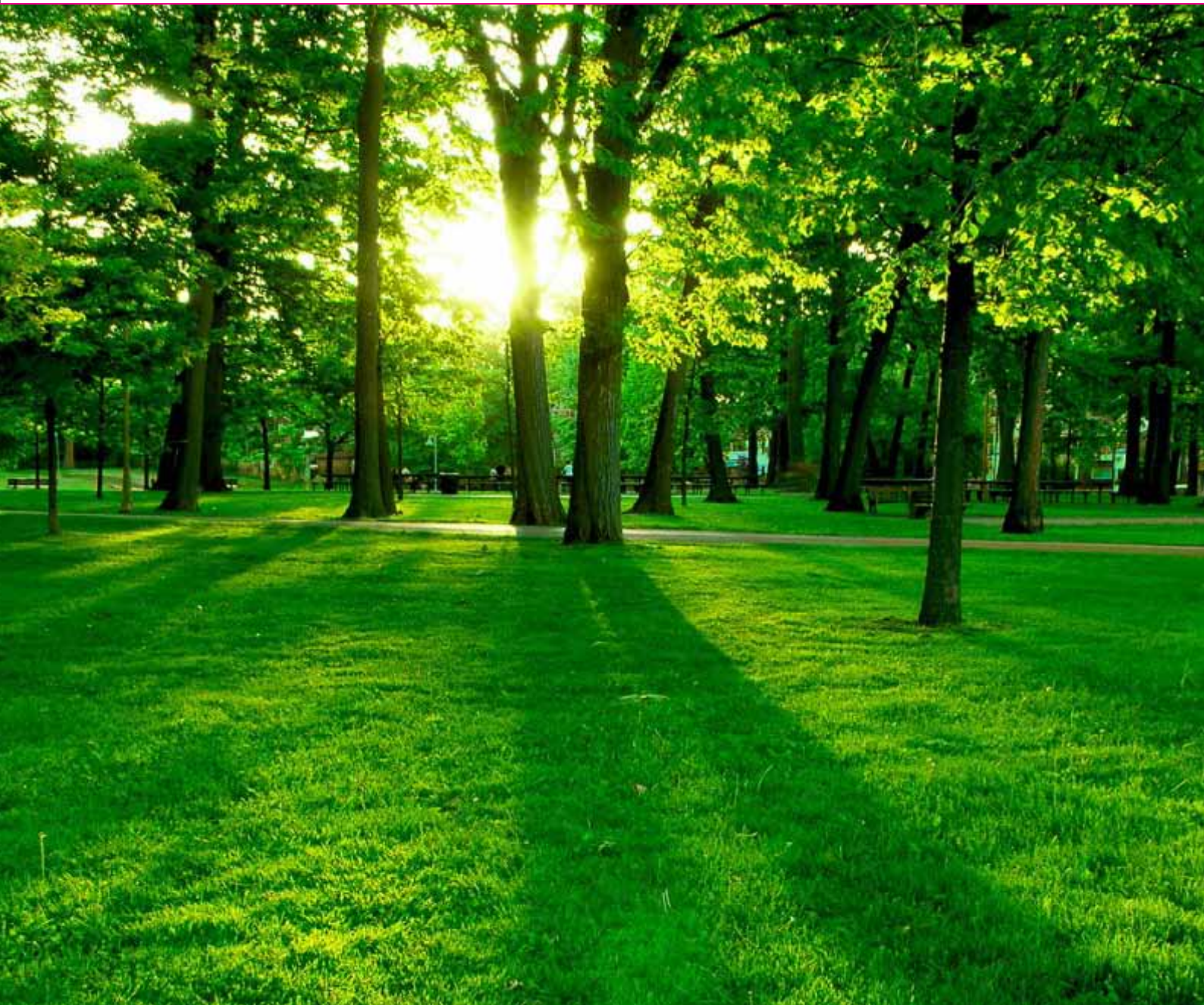
Lợi nhuận sau thuế: 1.200 tỷ đồng

Nhiệm vụ lớn nhất của Hòa Phát trong năm 2013 là chính thức vận hành giai đoạn 2 Khu liên hợp gang thép Hòa Phát tại Hải Dương vào tháng 7/2013, với kế hoạch tiêu thụ 787.000 tấn thép.

Trong mảng bất động sản, Hòa Phát phấn đấu bán hết toàn bộ các căn hộ của dự án Mandarin Garden trong năm 2013 và chính thức bàn giao nhà vào tháng 9 năm nay.

Bên cạnh đó, HPG cũng đặt mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, cải tiến sản xuất, hạ giá thành và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, từ đó tăng thị phần ở tất cả các ngành hàng.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM





TỔ CHỨC NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP tại 20/02/2013(%) |
|-----|-------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|
| 1. | Trần Tuấn Dương | Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD | 2,692 |
| 2. | Nguyễn Thị Thảo Nguyên | Phó Tổng Giám đốc | 0,003 |
| 3. | Nguyễn Việt Thắng | Phó Tổng Giám đốc | 0,348 |
| 4. | Lý Thị Ngạn | Kế toán trưởng | 0 |



Ông Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Sinh ngày 07/12/1963
 Nguyên quán: Nam Định
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 74 phố Trần Quốc Toàn, phường Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ĐH Kinh tế Quốc dân, Cử nhân báo chí ĐH Tổng hợp
 Ngày vào Công ty: Năm 1992
 Trước khi giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (từ tháng 01/2007), ông Trần Tuấn Dương đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại nhiều Công ty thành viên của Tập đoàn như: Công ty Thiết bị phụ tùng, Công ty Nội thất, Công ty Ống thép Hòa Phát.



Ông Nguyễn Việt Thắng
Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 04/02/1970
 Nguyên quán: Nam Định
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú số: 10 ngõ 154 Phương Liệt, phường Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
 Ngày vào Công ty: Năm 2003
 Trước khi giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (07/04/2012), ông Nguyễn Việt Thắng đã có nhiều kinh nghiệm làm việc ở vị trí lãnh đạo với chức vụ là Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát.



Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên
Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 01/01/1973
Nguyên quán: Hải Dương
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 24 ngõ 13
Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ĐH Tài
chính Kế toán Hà Nội
Ngày vào Công ty: Năm 1998
Trước khi giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty CP
Tập đoàn Hòa Phát (từ 01/09/2010), bà Nguyễn
Thị Thảo Nguyên đã giữ các chức vụ như Kế toán
trưởng Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát và
Trưởng ban Kiểm soát và Pháp chế Công ty Cổ
phần Tập đoàn Hòa Phát.



Bà Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng

Sinh ngày: 07/12/1976
Nguyên quán: Thái Nguyên
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 401A-B7,
phường Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
Ngày vào Công ty: tháng 08/2007
Bà Lý Thị Ngạn giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty
CP Tập đoàn Hòa Phát kể từ ngày 01/01/2011.



BẢNG KÊ LAO ĐỘNG TẬP ĐOÀN

| STT | Tên Công ty | Trình độ | | | | Giới tính | | Tổng |
|---------------------------------------|--------------------------------|-----------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| | | Trên ĐH | ĐH & CĐ | Trung cấp | Khác | Nam | Nữ | |
| 1 | Cty CP Tập Đoàn Hòa Phát | 3 | 31 | 8 | 22 | 31 | 33 | 64 |
| Nhóm 1: Ngành Thép | | 9 | 1.317 | 951 | 2.738 | 4.317 | 968 | 5.015 |
| 1 | Cty CP Thép Hòa Phát | | 524 | 298 | 1.210 | 1.748 | 284 | 2.032 |
| 2 | Cty TNHH MTV Thép Hòa Phát | 1 | 203 | 210 | 468 | 767 | 115 | 882 |
| 3 | Cty TNHH Ống Thép Hòa Phát | 4 | 270 | 152 | 493 | 815 | 104 | 919 |
| 4 | Cty CP Năng Lượng Hòa Phát | | 163 | 215 | 67 | 346 | 99 | 445 |
| 5 | Cty CP ĐTKS An Thông | 1 | 95 | 45 | 339 | 431 | 49 | 480 |
| 6 | Cty CP Khoáng Sản Hòa Phát | 3 | 62 | 31 | 161 | 210 | 47 | 257 |
| Nhóm 2: Ngành sản xuất CN khác | | 4 | 503 | 784 | 1.491 | 2.149 | 633 | 2.782 |
| 1 | Cty TNHH TBPT Hòa Phát | 1 | 86 | 109 | 197 | 335 | 58 | 393 |
| 2 | Cty CP Nội Thất Hòa Phát | 3 | 299 | 513 | 1.203 | 1.535 | 483 | 2.018 |
| 3 | Cty TNHH Điện Lạnh Hòa Phát | | 105 | 159 | 90 | 269 | 85 | 354 |
| 4 | CTy TNHH Thương Mại Hòa Phát | 1 | 13 | 3 | 1 | 10 | 7 | 17 |
| Nhóm 3: Ngành Bất động sản | | 0 | 85 | 21 | 117 | 162 | 61 | 223 |
| 1 | Cty CP XD & PT Đô Thị Hòa Phát | | 46 | 19 | 117 | 135 | 47 | 182 |
| 2 | Cty CP Golden Gain Việt Nam | | 39 | 2 | | 27 | 14 | 41 |
| TỔNG | | 16 | 1.936 | 1.764 | 4.368 | 6.659 | 1.425 | 8.084 |

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

- Bãi nhiệm chức danh Giám đốc Công ty CP Năng Lượng Hòa Phát đối với ông Nguyễn Đức Tuấn từ ngày 23/02/2012
- Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty CP Năng Lượng Hòa Phát đối với ông Hoàng Đức Thuận từ ngày 23/02/2012
- Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát đối với bà Đỗ Hải Yến từ ngày 23/02/2012
- Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát đối với ông Nguyễn Việt Thắng từ ngày 07/04/2012
- Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát đối với ông Tạ Tiến Dũng từ ngày 15/05/2012
- Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty CP Nội thất Hòa Phát đối với bà Nguyễn Thị Thuận từ ngày 26/06/2012
- Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát đối với ông Trịnh Xuân Đức từ ngày 01/07/2012

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Song song với việc kiện toàn lại đội ngũ lao động, Tập đoàn Hòa Phát vẫn cố gắng giữ nguyên các chế độ chính sách đối với người lao động như thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo và tập huấn chuyên môn cho cả khối văn phòng và nhà máy; thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho người lao động, đặc biệt là khối sản xuất trực tiếp. Để khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, phát huy sáng kiến cải tạo kỹ thuật, Tập đoàn Hòa Phát đã có chính sách khen thưởng xứng đáng đối với người lao động như thưởng tháng lương thứ mười ba, khen thưởng cuối năm, thực hiện chế độ phúc lợi hàng năm như nghỉ mát, du lịch, thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng thi đua.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN



Năm 2012, Hòa Phát tiếp tục triển khai Dự án Khu liên hợp gang thép Hòa Phát giai đoạn 2 tại Hải Dương. Xác định đây là dự án trọng điểm tạo bước đột phá về doanh thu và lợi nhuận Tập đoàn, vì vậy Hòa Phát đã đẩy mạnh công tác thi công, lắp đặt thiết bị và cơ sở hạ tầng, chuẩn bị bước đệm cho năm 2013 khi dự án chính thức đi vào hoạt động.

Giai đoạn 2 của Khu liên hợp với tổng đầu tư 3.300 tỷ, công suất 500.000 tấn/năm được khởi công từ tháng 3/2012. Kết thúc năm 2012, dự án đã hoàn thành hơn 70% khối lượng công việc, công tác xây dựng móng máy và thiết bị nhập khẩu đã tập kết khoảng 60%, giải ngân 33% tổng đầu tư. Mục tiêu chiến lược và quan trọng nhất của giai đoạn 2 là đảm bảo tiến độ chạy thử nguội vào cuối tháng 6/2013 và đi vào sản xuất chính thức vào tháng 9/2013. Khi cả 2 giai đoạn của KLH hoạt động ổn định sẽ nâng tổng công suất thép xây dựng Hòa Phát hàng năm lên 1,15 triệu tấn/năm, góp phần củng cố vị thế hàng đầu của Hòa Phát trong ngành thép Việt Nam.



CÁC CÔNG TY CON

MẢNG SẢN XUẤT THÉP

Trong bối cảnh nhiều nhà máy thép trong nước phải tiết giảm sản xuất thậm chí đóng cửa do làm ăn thua lỗ, mảng sản xuất thép của Hòa Phát vẫn giữ được sự ổn định và tăng thị phần. Sản xuất thép xây dựng, ống thép và các sản phẩm phụ trợ vẫn là mảng chủ lực của Hòa Phát với tỷ trọng 83,6% doanh thu và 70,8% lợi nhuận toàn Tập đoàn.



CÔNG TY CP THÉP HÒA PHÁT

Năm 2012, Công ty bắt đầu triển khai giai đoạn 2 – Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát nhằm tăng công suất toàn KLH lên đến 850.000 tấn thép thành phẩm mỗi năm sau khi hoàn thành. Các hạng mục chính được thi công bao gồm lò thổi, máy đúc phôi vuông 3 dòng liên tục, khu lọc bụi, hệ thống điện tự động hóa,... Các hạng mục xây dựng chính của Khu liên hợp đều đã hoàn thành để phục vụ công tác lắp đặt thiết bị. Nhà máy cán thép Hòa Phát số 3 cũng đã hoàn thành toàn bộ phần xây dựng nhà xưởng. Ngoài ra, bồn chứa khí than 50.000 m³ hiện đang chuẩn bị chạy thử thiết bị.



Trong năm vừa qua, Công ty đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển theo chiều sâu để giảm giá thành sản xuất, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, như việc sử dụng than ép thay cho than cục 4B, tiết kiệm hàng chục tỷ đồng mỗi năm cho Công ty. Kết thúc năm, Công ty CP thép Hòa Phát đạt 4.750 tỷ đồng doanh thu, và lợi nhuận sau thuế là 202 tỷ đồng.



Theo kế hoạch, 2013 là năm đầu tiên cả 2 giai đoạn đi vào hoạt động từ tháng 7, sản lượng dự kiến sẽ đạt gần 500.000 tấn phôi thép và thép xây dựng, đóng góp 6.575 tỷ đồng doanh thu tập đoàn.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP HÒA PHÁT



Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát vừa thực hiện nhiệm vụ sản xuất, vừa là đầu mối kinh doanh thép xây dựng của Tập đoàn. Năm 2012, Công ty đã tiêu thụ 611.600 tấn, giảm 5,18% so với năm 2011, trong khi lượng thép tiêu thụ toàn hiệp hội thép Việt Nam giảm gần 7%. Điều đáng nói là thị phần thép Hòa Phát tăng lên so với năm trước và chiếm thị phần 13,7% năm 2012.

Công ty liên tục cải tiến kỹ thuật, đầu tư nhiều hạng mục nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm. Tiêu biểu nhất là việc đầu tư cải tạo lò hồ quang nhằm nâng công suất nhà máy phôi; triển khai lò sinh khí than cho nhà máy cán thép thay thế dầu FO; cải tạo

dây chuyền đúc phôi tăng công suất đúc và kích cỡ phôi... Tới đây, Công ty sẽ đầu tư mở rộng sản xuất nhà máy phôi thép tại KCN Phố Nối A - Hưng Yên nhằm tăng công suất để đáp ứng đủ nhu cầu phôi cho nhà máy cán thép.

Hòa Phát là một trong rất ít nhà sản xuất trong nước sản xuất được thép mác cao theo tiêu chuẩn Mỹ (grade 60), tiêu chuẩn Nhật Bản (SD 490). Đây là lợi thế nổi bật của thép Hòa Phát trong mảng dự án công trình lớn. Năm 2012, bên cạnh việc đẩy mạnh thị trường trong nước, Hòa Phát bước đầu xuất khẩu thép xây dựng sang thị trường Myanmar. Toàn Tập đoàn đặt mục tiêu sản lượng tiêu thụ đạt 787.000 tấn trong năm 2013, tăng 29% so với năm 2012.



CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP HÒA PHÁT

Điểm nổi bật nhất của Ống thép Hòa Phát tại khu vực phía Bắc trong năm qua đó là việc đầu tư thêm 1 dây chuyền tôn mạ kẽm và chủ động đẩy mạnh mảng thương mại tôn nguyên liệu các loại. Các hoạt động này đã góp phần không nhỏ giúp công ty hoàn thành kế hoạch năm 2012 sớm hơn 3 tháng, doanh thu và lợi nhuận sau thuế chiếm tỷ trọng đáng kể trong hợp nhất toàn Tập đoàn.

Không chỉ ở khu vực miền Bắc, ống thép mạ kẽm cùng các sản phẩm ống thép truyền thống khác cũng được tiêu thụ rất tốt tại miền Trung và miền Nam. Chi nhánh ống thép Hòa Phát miền Trung có mức tăng trưởng tới 137% so với

năm ngoài, vượt 35,7% kế hoạch đề ra. Còn với chi nhánh miền Nam, sau hơn 2 năm đi vào sản xuất, các dây chuyền uốn, mạ kẽm nhúng nóng đã hoạt động ổn định, năng suất không ngừng được cải thiện. Năm 2012 cũng là năm Ống thép Hòa Phát nhận rất nhiều đơn hàng xuất khẩu từ các nước Asean, đặc biệt là khu vực Bắc Mỹ.

Năm 2013, Công ty Ống thép Hòa Phát dự kiến nâng tổng công suất các sản phẩm của Công ty lên 200.000 tấn/năm.





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN AN THÔNG

Công ty CP Đầu tư khoáng sản An Thông đã sản xuất được 216.812 tấn tinh quặng sắt và đạt doanh thu 426 tỷ đồng trong năm 2012. Từ giữa năm 2012, Công ty triển khai dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất quặng vè viên công suất 30 vạn tấn/năm tại khu công nghiệp Bình Vàng tỉnh Hà Giang, nhằm mục đích chế biến sâu, tăng giá trị tinh quặng sắt của Công ty, bảo đảm yêu cầu về chất lượng quặng vè viên phục vụ cho lò cao giai đoạn II Khu liên hợp gang thép Hòa Phát tại Kinh môn – Hải Dương. Cuối tháng 1/2013 Công ty đã tiến hành lắp đặt lò thiết bị đầu tiên bao gồm: Thiết bị phòng tạo cầu, lò sấy khô. Dự kiến đầu quý III/2013 nhà máy sẽ đi vào sản xuất.

Để đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho Nhà máy quặng vè viên Bình Vàng, Công ty đã triển khai xây dựng giai đoạn 2 của Nhà máy chế biến tinh quặng sắt Minh Sơn với công suất quặng đầu vào 3.000 tấn/ngày, nâng tổng công suất chế biến của Nhà máy thành 6.000 tấn nguyên liệu/ngày, bảo đảm cung cấp cho Nhà máy vè viên Bình Vàng khoảng 1.000 tấn tinh quặng/ngày. Năm 2013, Công ty đặt kế hoạch sản lượng 285.000 tấn tinh quặng sắt và 138.000 tấn quặng vè viên, cung cấp nguyên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng và ổn định cho Khu liên hợp gang thép Hòa Phát.



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN HÒA PHÁT

Năm 2012, Công ty đạt sản lượng trên 125.817 tấn quặng sau tuyển rửa và tinh quặng sắt sau chế biến, đem lại doanh thu 214 tỷ đồng. Hiện tại Khoáng sản Hòa Phát đang khai thác các mỏ Linh Thành, Tiên Tinh (Yên Bái) và mỏ Tắc Ái (Lào Cai). Đặc biệt, Công ty đã hoàn thành đầu tư dự án lò quay từ hóa để nâng cao chất lượng quặng sau tuyển rửa tại Lào Cai với tổng vốn đầu tư 120 tỷ đồng. Công suất dự kiến của lò đạt khoảng 120.000 tấn quặng từ hóa/năm. Hiện lò nung đã chạy thử thành công.

Việc đầu tư này nhằm nâng hàm lượng quặng sắt không từ có hàm lượng Fe (51-52%Fe) lên (58 – 60%Fe) quặng có từ. Các hạng mục đã đầu tư dây chuyền từ hóa gồm hệ thống lò quay từ hóa quặng theo phương pháp gia nhiệt; hệ thống nghiền, sấy, phun than cung cấp nhiên liệu đốt cho lò quay. Từ năm 2013 hệ thống lò nung từ hóa này sẽ được đưa vào sản xuất. Năm 2013, công ty đặt kế hoạch sản xuất 200.000 tấn tinh quặng sắt và quặng sau tuyển rửa có hàm lượng Fe $\geq 50\%$ trở lên, doanh thu dự kiến 316 tỷ đồng.





CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG HÒA PHÁT

2012 cũng là năm khó khăn của ngành than cả về tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt giữa các nước trong bối cảnh ngành thép toàn thế giới suy giảm, nhu cầu về than cốc thấp, giá xuất khẩu giảm mạnh chưa từng thấy. Tuy nhiên, với sự nỗ lực và có mục tiêu cụ thể, linh hoạt, công ty đã vượt qua được khó khăn chung. Đặc biệt, Công ty Năng lượng Hòa Phát còn vượt 44% kế hoạch lợi nhuận năm 2012 với 182 tỷ đồng.

Trong năm vừa qua, Công ty đã thành công lớn trong việc củng cố và ổn định sản xuất. Công tác nghiên cứu phát triển được chú trọng thích đáng, tạo ra sự chủ động trong việc sử dụng các nguồn nguyên liệu khác nhau mà vẫn cho ra sản phẩm đạt chất lượng theo yêu cầu, thử nghiệm thành công nhiều loại than mới phù hợp cho sản xuất của lò cao. Chính việc nghiên cứu phát triển các nguồn than và ổn định sản xuất trong năm 2012 đã góp phần giải quyết được những khó khăn bằng cách giảm các chi phí sản xuất, tăng sức cạnh tranh, từ đó đẩy mạnh việc tiêu thụ cần nhằm



MẢNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP KHÁC

Bên cạnh lĩnh vực sản xuất thép, các sản phẩm công nghiệp khác của Hòa Phát như thiết bị xây dựng, nội thất, điện lạnh tiếp tục ổn định sản xuất, giữ vững thị phần và thị trường, đồng thời tích cực nghiên cứu cho ra đời nhiều sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Năm 2012, mảng sản xuất công nghiệp khác đóng góp 13,6% và 22,6% vào doanh thu và lợi nhuận toàn Tập đoàn.



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ PHỤ TÙNG HÒA PHÁT

2012 đánh dấu mốc lịch sử 20 năm hình thành và phát triển của Công ty Thiết bị phụ tùng Hòa Phát, nhà sản xuất máy móc thiết bị xây dựng, khai thác mỏ hàng đầu Việt Nam. Dù bị ảnh hưởng rất lớn bởi những khó khăn của ngành xây dựng - bất động sản, Công ty vẫn duy trì thành công mối quan hệ với các bạn hàng, đối tác truyền thống trong và ngoài nước, giữ vững thị phần sản phẩm, cung cấp thiết bị phụ tùng kịp thời cho các dự án của Tập đoàn Hòa Phát trong lĩnh vực sản xuất thép, khai thác mỏ và bất động sản....

Nhiều khách hàng từ các nước Đông Nam Á quan tâm và đặt mua thiết bị phụ tùng, máy nghiền đá, hàm nghiền cỡ lớn của Hòa Phát. Tiêu biểu nhất là vào tháng 6/2012, Công ty xuất khẩu thành công lô hàng máy nghiền sang thị trường Philippines. Các thương hiệu nổi tiếng thế giới về máy xây dựng tiếp tục chọn TBPT Hòa Phát là nhà phân phối độc quyền như Mikasa, Vito, Airman, Fiac... Trong năm qua, Công ty chính thức kinh doanh mặt hàng mới phục vụ ngành xây dựng: ván cốt pha phủ phim.



CÔNG TY CP NỘI THẤT HÒA PHÁT

Những ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, sức mua giảm cộng thêm sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn trong ngành hàng nội thất,... đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Nội thất Hòa Phát. Nội thất Hòa Phát vẫn giữ được vị trí dẫn đầu ngành hàng nội thất và được người tiêu dùng coi là lựa chọn hàng đầu.



Với lợi thế thương hiệu, sản phẩm đa dạng, khả năng cung ứng nhanh, hệ thống phân phối rộng khắp và mạnh mẽ, Công ty đã từng bước vượt qua khó khăn để đạt được các mục tiêu đề ra. Không những thế, sản phẩm Nội thất Hòa Phát chiếm lĩnh thêm một số khu vực thị trường nhờ hệ thống phân phối mạnh, có điều kiện tốt hơn. Hệ thống 07 nhà máy của Công ty tại miền Bắc luôn hoạt động hết công suất để đáp ứng nhu cầu đơn đặt hàng của khách hàng. Tại miền Nam, Nhà máy sản xuất Tủ sắt, kết sắt tại khu công nghiệp Bình Dương đã đi vào sản xuất ổn định, đáp ứng được nhu cầu tại thị trường phía Nam. Khả năng cung ứng và sản xuất những đơn hàng lớn vẫn là một trong những thế mạnh của Nội thất Hòa Phát được khách hàng đánh giá rất cao.

Công ty đã tung ra thị trường nhiều sản phẩm mới và nhận được sự hưởng ứng rất tốt của thị trường và người tiêu dùng bởi mẫu mã đẹp, chất lượng và giá trị sử dụng cao như kết tài lộc, hàng bàn ghế trường học hình con giống, hàng sơn veneer, sofa cao cấp... Trong năm 2013, công ty chú trọng điều tiết kế hoạch sản xuất phù hợp với tình hình thị trường cả 2 miền Bắc, Nam nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, đồng thời, đảm bảo lượng hàng tồn kho ở mức an toàn, cung ứng kịp thời cho đại lý, tăng cường áp dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ vào sản xuất để tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và giảm giá thành sản phẩm.



ĐIỆN LẠNH HÒA PHÁT:

Năm 2012 đánh dấu một năm sản xuất kinh doanh thành công vượt bậc của Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát. Doanh thu bán hàng sản phẩm thương hiệu Funiki của Công ty tăng 7% so với năm trước và lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch đề ra tới gần 30%.

Công ty Điện Lạnh Hòa Phát đã đầu tư mở rộng thêm dây chuyền máy móc cho các nhà máy nhằm tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm. Dù là năm kinh tế rất khó khăn nhưng Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát đã mạnh dạn đầu tư cải tiến công nghệ phục vụ sản xuất. Sau khi nghiên cứu nắm bắt thị hiếu người tiêu dùng, tháng 01/2012 Công ty đã cho ra mắt sản phẩm mới bình nước nóng tráng men titanium, công nghệ silvernano hoàn toàn mới và sản phẩm tủ đông có khả năng giữ nhiệt cao. Mục tiêu của công ty là phủ kín 50% thị trường hàng điện lạnh Việt Nam là FUNIKI với phương châm “Hàng Việt Nam chất lượng cao, giá thành phù hợp cho người Việt”.





CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÒA PHÁT

Tình hình kinh tế trong và ngoài nước đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty Thương mại Hòa Phát. Tuy vậy, doanh thu 2012 của công ty vẫn đạt trên 922 tỷ đồng.

Trong năm vừa qua, Công ty đã thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro; tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, nhận định đánh giá đúng xu hướng thị trường, thời điểm mua vào bán ra hợp lý. Trong bối cảnh khó khăn của ngành xây dựng, bất động sản, Công ty Thương mại Hòa Phát vẫn cung cấp để hoàn thiện cũng như xây mới vào các công trình, dự án lớn như: Đường cao tốc mới Hà Nội- Hải Phòng, cầu Nhật Tân, Đại học Kinh Tế Quốc Dân, Golden Palace, Kinh Đô Tower, trường Marie Curie.... Hoạt động xuất khẩu mặc dù bị thu hẹp nhưng ngoài những đơn hàng thép tấm, hình, ống thép.. sang thị trường Lào, công ty đã ký hợp đồng dài hạn xuất khẩu sang thị trường Banglades mặt hàng xi lò cao của Khu liên hợp gang thép Hòa Phát.



MẢNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Năm 2012 thực sự khó khăn đối với ngành bất động sản Việt Nam. Chính sách tín dụng thắt chặt cho vay liên quan đến bất động sản khiến hầu hết doanh nghiệp trong ngành lao đao. Tuy nhiên, các dự án của Hòa Phát vẫn thu hút sự quan tâm của giới đầu tư vì tính thanh khoản cao, vị trí tốt và có chính sách hỗ trợ khách hàng hợp lý.



Trong mảng bất động sản Khu công nghiệp, cả 2 KCN của Hòa Phát đều liên tục có thêm nhà đầu tư mới đến kinh doanh, xây dựng nhà xưởng sản xuất. Giai đoạn 1 của KCN Phố Nối A với 390 ha đã được lấp đầy 100% diện tích đất kinh doanh có hạ tầng với khoảng hơn 90 doanh nghiệp trong đó khoảng 40% là doanh nghiệp FDI đến từ nhiều quốc gia như: Nhật, Hàn, Mỹ, Hà Lan, Thụy Sĩ. Hiện Công ty CP Xây dựng và phát triển đô thị Hòa Phát đang triển khai thi công hạ tầng giai đoạn 2 (hay còn gọi là khu mở rộng) có diện tích 204 ha. Dự kiến, năm 2013, KCN sẽ bắt đầu đón nhà đầu tư thuê đất xây dựng nhà máy tại khu mở rộng.

Với diện tích quy hoạch 131 ha, KCN Hòa Mạc tại tỉnh Hà Nam đã có 8 nhà đầu tư trong đó có 2 nhà đầu tư đến từ Nhật Bản thuê đất xây dựng nhà xưởng. Từ kinh nghiệm triển khai KCN Phố Nối A, hạ tầng KCN Hòa Mạc được xây dựng đồng bộ, đặc biệt là phân bố cây xanh hợp lý, đem lại cảnh quan đẹp cũng như tạo môi trường xanh sạch cho KCN. Cùng với chủ trương chung của tỉnh Hà Nam ưu tiên thu hút nhà đầu tư FDI Nhật Bản, KCN được các nhà đầu tư đánh giá cao vì vị trí thuận lợi, giá thuê cạnh tranh và dịch vụ hỗ trợ đầu tư hiệu quả.

Mảng bất động sản nhà ở của Hòa Phát đã có nhiều tín hiệu khả quan vào thời điểm cuối năm. Với chính sách bán hàng mới triển khai từ tháng 10/2012, chỉ trong vòng 3 tháng dự án Mandarin Garden do Công ty CP Golden Gain Việt Nam làm chủ đầu tư đã bán thêm được gần 250 căn hộ và là một

trong số ít dự án chung cư cao cấp có tốc độ bán hàng tốt nhất trong thời điểm hiện tại. Mandarin Garden đang được gấp rút hoàn thiện để bàn giao cho khách hàng vào tháng 9/2013. Song song với dự án này, Hòa Phát cũng đã hoàn thiện thủ tục cần thiết để triển khai dự án 70 Nguyễn Đức Cảnh và 493 Trương Định, quận Hoàng Mai, Hà Nội...





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Hoà Phát
 Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
 Mã chứng khoán: HPG
 Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
 Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 419.052.533 cổ phiếu
 Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 419.052.533 cổ phiếu
 Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Ngày 01/02/2012 Công ty chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2010 tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành bổ sung để trả cổ tức là 31.361.348 cổ phiếu, vốn điều lệ tăng: 313.613.480.000 đồng.
 - Vốn điều lệ sau khi phát hành 10% cổ phiếu trả cổ tức năm 2010 là: 3.492.111.080.000 đồng.

- Ngày 29/10/2012 Công ty thực hiện việc chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2011 tỷ lệ 20% bằng cổ phiếu, Số lượng cổ phiếu phát hành bổ sung để trả cổ tức là: 69.841.425 cổ phiếu
 - Vốn điều lệ (sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011) hiện tại là 4.190.525.330.000 đồng.

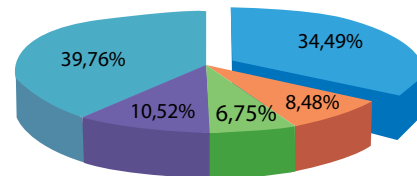
Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
 - Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm:
 Trong năm Công ty có thực hiện giao dịch bán cổ phiếu:
 + Số lượng cổ phiếu quỹ giao dịch bán: 4.230.930 cổ phiếu
 + Thời điểm thực hiện giao dịch: từ ngày 23/05/2012 đến ngày 11/07/2012.
 + Giá giao dịch: Bán theo giá thị trường tại ngày thực hiện giao dịch.
 + Phương thức giao dịch: Khớp lệnh và thoả thuận.

Cơ cấu cổ đông chốt ngày 20/02/2013

| STT | Nội dung | Số | Tỷ lệ % |
|-----|-------------------------|--------------------|----------------|
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 0 | 0 |
| 2 | Cổ đông nội bộ | 208.363.581 | 49,72% |
| | HĐQT, BKS, BGĐ, KTT | 144.540.142 | 34,49% |
| | Người có liên quan | 35.532.973 | 8,48% |
| | CBCNV | 28.290.466 | 6,75% |
| 3 | Cổ đông khác | 210.688.952 | 50,28% |
| | Cổ đông trong nước | 44.101.039 | 10,52% |
| | Cá nhân | 31.505.802 | 7,52% |
| | Tổ chức | 12.595.237 | 3,00% |
| | Cổ đông nước ngoài | 166.587.913 | 39,76% |
| | Cá nhân | 2.167.571 | 0,52% |
| | Tổ chức | 164.420.342 | 39,24% |
| | Tổng | 419.052.533 | 100,00% |

Cơ cấu theo nhóm cổ đông



- HĐQT, BKS, BGĐ và KTT
- CBCNV
- Người có liên quan
- Cổ đông khác trong nước
- Cổ đông nước ngoài

Cơ cấu cổ đông theo địa lý chốt ngày 20/02/2013

| STT | Nội dung | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % |
|-----|-------------------|--------------------|---------------|
| 1 | Việt Nam | 252.464.620 | 60,24 |
| | Cá nhân | 239.869.383 | 57,24 |
| | Tổ chức | 12.595.237 | 3,00 |
| 2 | Nước ngoài | 166.587.913 | 39,76 |
| | Cá nhân | 2.167.571 | 0,52 |
| | Tổ chức | 164.420.342 | 39,24 |
| | Tổng | 419.052.533 | 100,00 |

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu chốt ngày 20/02/2013

| STT | Nội dung | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % |
|-----|-----------------------------|--------------------|---------------|
| 1 | Cổ đông sở hữu trên 5% | 162.056.325 | 38,67 |
| 2 | Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% | 146.076.674 | 34,86 |
| 3 | Cổ đông sở hữu dưới 1% | 110.919.534 | 26,47 |
| | Tổng | 419.052.533 | 100,00 |

Danh sách cổ đông lớn chốt ngày 20/02/2013

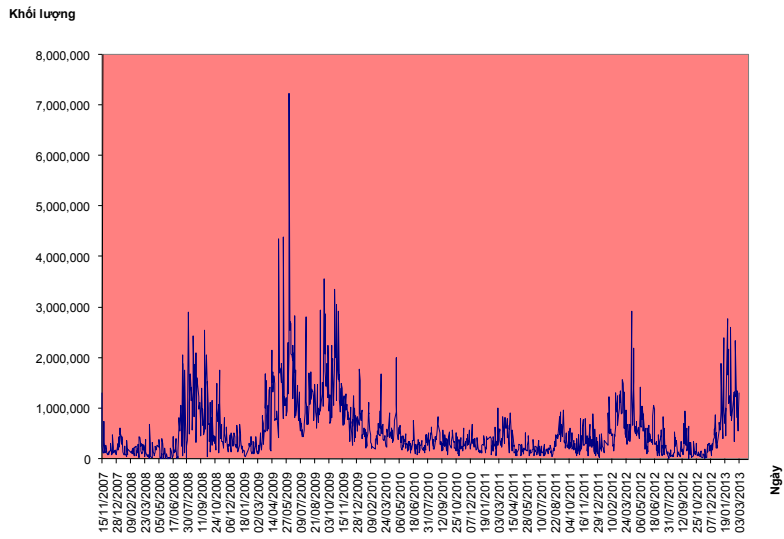
| Nội dung | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % |
|--|---|--------------------|--------------|
| 1 Trần Đình Long | Số 8 Dã Tượng Hà Nội | 101.059.200 | 24,12 |
| 2 Vũ Thị Hiền | Số 8 Dã Tượng Hà Nội | 30.952.152 | 7,39 |
| 3 Deutsche Bank AG London + Deutsche Asset Management | Winchester House, 1 Great Winchester Street, London EC2N 2DB | 30.044.973 | 7,17 |
| Tổng | | 162.056.325 | 38,68 |

Top 10 cổ đông tổ chức lớn chốt ngày 20/02/2013

| STT | Họ và tên | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ % |
|-----|---|---|--------------------|--------------|
| 1 | Nhóm Deutsche Bank + Deutsche Asset | Winchester House, 1 Great Winchester Street, London EC2N 2DB | 30.044.973 | 7,17 |
| 2 | BI PRIVATE EQUITY NEW MARKETS II K/S | Sundkrogsgade 7, DK-2100, Copenhagen 0, Denmark | 20.291.040 | 4,84 |
| 3 | VOF INVESTMENT LIMITED | Suite 1703, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Blvd, Dist.1, HCMC | 18.040.215 | 4,31 |
| 4 | RED RIVER HOLDING | 9A TU XUONG STREET, WARD 7, DIST.3, HO CHI MINH CITY, S.R OF VIETNAM | 16.535.402 | 3,95 |
| 5 | MARKET VECTORS ETF TRUST- MARKET VECTORS-VIETNAM ETF | "99 PARK AVENUE,8TH F1 NEW YORK NY 10016 U.S.A" | 8.300.460 | 1,98 |
| 6 | VIETNAM ENTERPRISE INVESTMENTS LIMITED | 1901 Cao Ốc Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp HCM, Việt Nam | 6.411.561 | 1,53 |
| 7 | GRINLING INTERNATIONAL LIMITED | 1901 Cao Ốc Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp HCM, Việt Nam | 6.216.592 | 1,48 |
| 8 | WAREHAM GROUP LIMITED | 1901 Cao Ốc Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp HCM, Việt Nam | 5.174.649 | 1,23 |
| 9 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom | Khu Công nghiệp Biên Hoà I, Đồng nai | 4.334.322 | 1,03 |
| 10 | LIONGLOBAL VIETNAM FUND | 21 Collyer Quay #14-01 HSBC Building Singapore 049320. | 3.068.148 | 0,73 |
| | Tổng | | 118.417.362 | 28,25 |

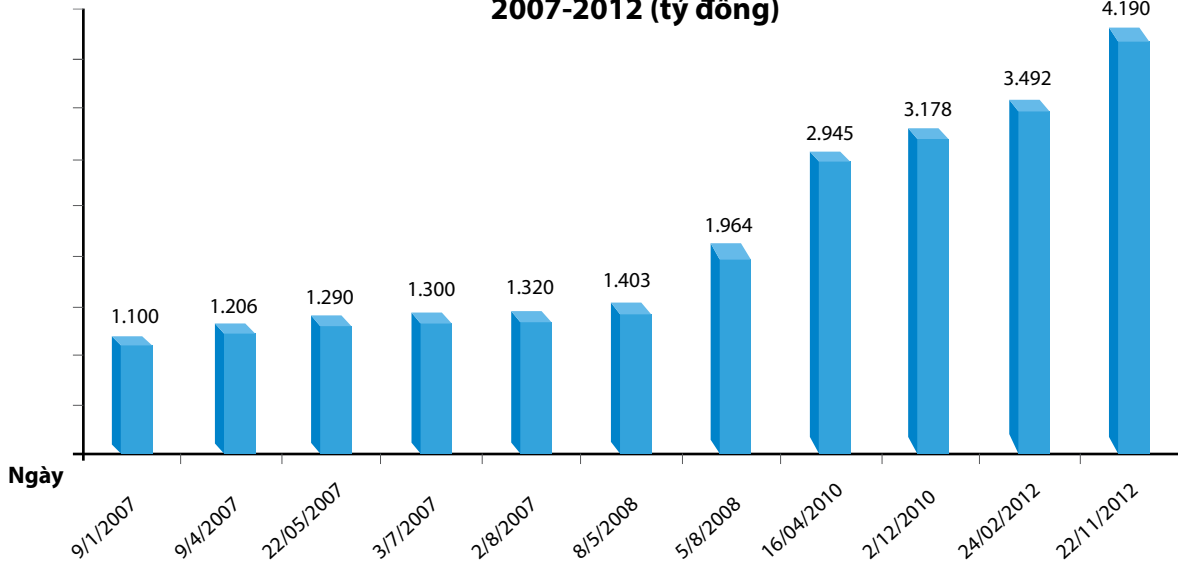


Khối lượng giao dịch cổ phiếu HPG 2007-2013

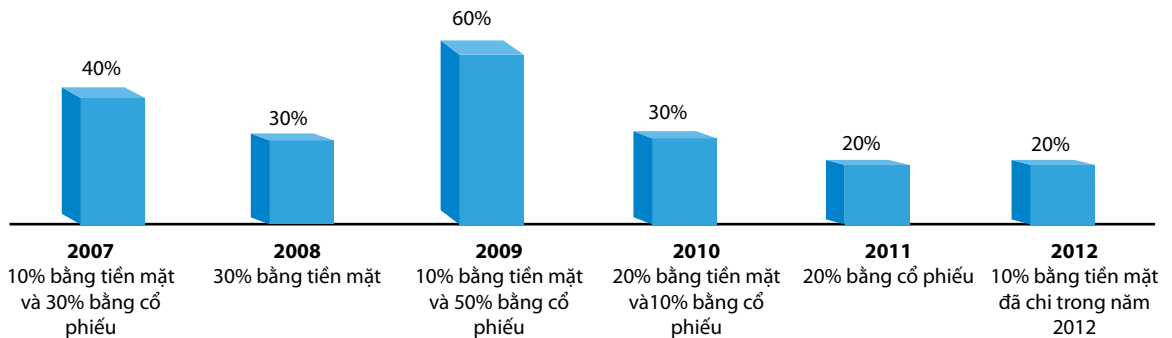


Tỷ đồng

Quá trình tăng vốn điều lệ của Tập đoàn Hòa Phát từ năm 2007-2012 (tỷ đồng)



Bảng theo dõi tỷ lệ trả cổ tức của HPG qua các năm



QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (IR)



Hoạt động IR trong năm 2012 được Hòa Phát thực hiện thường xuyên nhằm cập nhật thông tin về hoạt động của doanh nghiệp một cách đầy đủ trung thực và kịp thời cho các cổ đông, nhà đầu tư quan tâm tới cổ phiếu Tập đoàn Hòa Phát (HPG). Sự minh bạch, cởi mở về thông tin giúp HPG trở thành lựa chọn hàng đầu trong nhóm VN30 và luôn được các nhà đầu tư nước ngoài tích cực mua vào.

Trong năm qua, hàng chục lượt nhà đầu tư cả trong và ngoài nước đã đến thăm và làm việc với lãnh đạo Tập đoàn Hòa Phát nhằm tìm hiểu thêm thông tin và cập nhật kết quả kinh doanh, thăm thực tế các dự án lớn mà tập đoàn đang triển khai như Khu liên hợp gang thép Hòa Phát, khu phức hợp Mandarin Garden, dự án khai thác quặng sắt, dự án ống thép tôn mạ kẽm,....

Đáng chú ý nhất là đoàn các nhà đầu tư Nhật Bản hồi tháng 2/2012. Ông Hiroshi Hiramoto – Tổng giám đốc Công ty Chứng khoán Nhật Bản (JSI) cho biết, các nhà đầu tư Nhật Bản luôn bày tỏ sự ngưỡng mộ Tập đoàn tư nhân lớn như Hòa Phát, đánh giá cao vị thế mà HPG đã đạt được trong suốt 20 năm qua, đồng thời tin tưởng chắc chắn vào thành công của các dự án HPG đang triển khai. Rất nhiều công ty của Nhật Bản quan tâm đầu tư vào thị trường Việt Nam và Hòa Phát là một trong những công ty lớn, có uy tín mà họ luôn ủng hộ, quảng bá hình ảnh thương hiệu bằng nhiều cách khác nhau.

Trong năm, HPG liên tục đón tiếp đoàn đại diện các Quỹ và tổ chức tài chính, tiêu biểu là các quỹ: Quỹ Viet Capital (Bản Việt); PXP Việt Nam Asset Management; SSI, Quỹ Dragon Capital Group Limited; Korea Investment Management, đoàn các nhà đầu tư Singapore, Hàn Quốc,... Tại các cuộc gặp này, Ban Tổng giám đốc HPG cùng các chuyên viên quan hệ cổ đông đã lần lượt giải đáp các thắc mắc của tất cả các nhà đầu tư và cổ đông.

Anh Huy Nguyễn, chuyên viên phân tích cao cấp của Quỹ Bản Việt cho rằng, Hòa Phát có mức tăng trưởng ổn định qua các năm và đều đặn, các sản phẩm chính của tập đoàn vẫn giữ được thị phần, thậm chí còn có phần tăng lên ở mặt hàng chủ chốt – thép xây dựng. Chính sự phát triển vững chắc và ổn định đó khiến nhiều công ty chứng khoán uy tín như VietCapital, SSI, HSC, Kim Eng, Bảo Việt, VCBS, Rồng Việt... đã đưa ra báo cáo phân tích và khuyến nghị mua vào mã cổ phiếu HPG.

Bên cạnh kênh thông tin đối thoại trực tiếp, HPG đã cập nhật liên tục về hoạt động sản xuất kinh doanh, các đợt tăng vốn hay phát hành cổ phiếu để trả cổ tức,... trên website chính thức của Tập đoàn Hòa Phát www.hoaphat.com.vn và các phương tiện truyền thông đại chúng nhằm giúp các nhà đầu tư và các cổ đông có góc nhìn đa chiều, chính xác và kịp thời hơn về doanh nghiệp.



HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Đã thành hoạt động thường niên, trong năm 2012, nhiều chương trình từ thiện, hoạt động xã hội đã được Tập đoàn Hòa Phát tích cực thực hiện, nhằm góp phần xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn.



TÀI TRỢ DỰ ÁN “MÁI ẤM ĐIỆN BIÊN ĐÔNG”

Tháng 1/2012, dự án xây dựng nhà tình thương cho trẻ mồ côi huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên chính thức khởi công và đi vào hoạt động vào cuối năm. Trong đó, Tập đoàn Hòa Phát là nhà tài trợ lớn nhất, với số tiền 500 triệu đồng. “Mái ấm Điện Biên Đông” là một dự án từ thiện mang ý nghĩa đặc biệt với đồng bào vùng cao, bởi khi đi vào hoạt động, mái ấm sẽ là nơi cư ngụ mang trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa trên địa bàn huyện. Tại mái ấm này, các em sẽ được quan tâm chăm sóc, được học tập, vui chơi, được hưởng sự giáo dục tốt, tránh xa các tệ nạn xã hội.

GÓP SỨC PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI TẠI MIỀN TRUNG.

Trong những ngày cuối tháng 8, đầu tháng 9, mưa lũ tại các tỉnh miền Trung đã khiến hàng ngàn ngôi nhà bị sập, hơn 50 người chết và bị thương, nhấn chìm hàng chục ngàn hecta ruộng vườn, gây thiệt hại lớn về người và của. Với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, Tập đoàn Hòa Phát đã ủng hộ Quý hỗ trợ phòng tránh thiên tai miền Trung 110 triệu đồng. Sự ủng hộ kịp thời của Tập đoàn Hòa Phát nhằm giúp đỡ, chia sẻ một phần những khó khăn, đau thương mất mát với nhân dân miền Trung – khúc ruột của cả nước.



GÓP SỨC BẢO VỆ VÙNG BIÊN

Năm 2011, Tập đoàn Hòa Phát đã kí biên bản ghi nhớ về việc hỗ trợ huyện Hoàng Su Phì – Hà Giang xóa đói giảm nghèo. Thực hiện cam kết, trong năm 2012, Tập đoàn Hòa Phát đã giải ngân hơn 3 tỷ đồng tài trợ cho dự án phát triển kinh tế biên mậu tại Hoàng Su Phì. Với sự tham gia tài trợ của Tập đoàn Hòa Phát, các công trình dân cư, cơ sở y tế, trường học... đã được xây dựng, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào, góp phần bảo vệ vùng đất biên cương.



CHUNG TAY VÌ CỘNG ĐỒNG

Không chỉ có vậy, Tập đoàn Hòa Phát thông qua Quỹ “Tấm lòng thơm thảo” còn dành hơn 700 triệu đồng để mang đến những bữa cơm đầy đủ chất dinh dưỡng cho các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn đang điều trị tại viện Ung bướu Trung Ương (Viện K). 150 suất ăn mỗi ngày đã làm ấm lòng cả người trao và người nhận. Có thể nói, đây là hoạt động rất ý nghĩa mà Tập đoàn Hòa Phát đã thực hiện được từ cuối năm 2010 tới nay và sẽ cố gắng tiếp tục duy trì trong những năm tiếp theo.

Ngoài ra, Hòa Phát cũng thực hiện nhiều hoạt động nhằm góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân như tặng quà Tết cho người nghèo, tài trợ thiết bị nội thất, xây cầu dân sinh và kênh nắn dòng kiên cố cho thôn Hai Luồng, xã Âu Lâu, Yên Bái... Tất cả những hoạt động này đều xuất phát từ lòng thiện nguyện vô điều kiện, thể hiện tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội. Trong tương lai, Tập đoàn Hòa Phát sẽ tiếp tục phát huy truyền thống của mình trong các hoạt động chung tay vì cộng đồng.



HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)

Với một tập đoàn sản xuất công nghiệp đa ngành, việc đầu tư cho công tác Nghiên cứu & Phát triển là cực kỳ quan trọng và luôn được Tập đoàn Hòa Phát quan tâm hàng đầu nhằm tối ưu hóa giá trị đầu tư, nâng cao chất lượng, giảm thiểu chi phí sản xuất, đồng thời cho ra đời những sản phẩm mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Dưới đây là một số thành tựu R&D tiêu biểu nhất của Hòa Phát năm 2012.

NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH LẠI CỤM 10 LÒ SINH KHÍ THAN, SỬ DỤNG THAN ÉP THAY CHO THAN CỤC 4B

Đây là một phần trong chiến lược mở rộng luyện thép giai đoạn 2 của Khu liên hợp sản xuất gang thép nhằm giảm chi phí nhiên liệu cũng như chi phí vận hành một cách rõ rệt. Khi cả 2 giai đoạn đi vào hoạt động (từ tháng 7/2013), Khu liên hợp sẽ có 10 lò sinh khí than hoạt động. Việc quy hoạch lại địa điểm của cụm lò sinh khí được coi là một bước đi đúng đắn, bởi sau quy hoạch, khí than của 2 lò thổi sẽ được tận dụng để cung cấp cho cả 2 Nhà máy cán thông qua thiết bị trộn khí than, giảm chi phí nhiên liệu than tương đối lớn (khoảng 45% tổng lượng khí than cấp cho 2 lò gia nhiệt).

Bên cạnh đó, Công ty CPTHép Hòa Phát còn thành công trong việc thay thế than cục 4B (một tài nguyên đang ngày càng khan hiếm) bằng than ép bán dạng quả bàng. Toàn bộ dây chuyền ép than được thiết kế liền mạch với hệ thống băng tải cấp liệu và băng tải nạp liệu, than cám nạp vào thông qua dây chuyền ép bánh, sấy khô rồi chuyển thẳng lên lò sinh khí với quy mô khép kín liên hoàn. Sự đầu tư cải tiến này sẽ tiết kiệm được khoảng 60 tỷ đồng chi phí sản xuất mỗi năm cho Khu liên hợp, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường cũng như nguồn tài nguyên than quý giá của đất nước.



CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ CÁN THÉP

Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát đã nghiên cứu, chế tạo thiết bị và công nghệ cán phiêu vuông 150x150 cho các sản phẩm thép xây dựng của Nhà máy cán thép (KCN Như Quỳnh – Hưng Yên). Nhờ đó, quá trình sản xuất ổn định, thành phẩm cũng như năng suất thu hồi tăng lên. Nhờ vậy, dù phải dừng trung tu thiết bị gần 1 tháng nhưng sản lượng của Nhà máy cán vẫn vượt công suất thiết kế với 306.000 tấn. Ngoài ra, Công ty đã cải tạo toàn bộ hệ thống cáp mạng Ethernet bằng cáp quang, các đầu chuyển đổi tốc độ cao để giảm thiểu lỗi mạng do kết nối giữa các tủ điều khiển, khắc phục dứt điểm hiện tượng lỗi mạng; chế tạo máy bẻ thép phục vụ cho công tác bán hàng được thuận lợi hơn.

Sau khi cải tiến và nâng cấp hai lò hồ quang, nhà máy phiêu thép đã đạt được mức sản lượng mới là trên 268.000 tấn/năm vượt 11,7% so với mục tiêu chất lượng và vượt 22% công suất thiết kế (sau cải tạo); các chỉ tiêu tiêu hao được cải thiện rõ nét đặc biệt ở các chỉ tiêu về điện, điện cực, hợp kim, vật liệu chịu lửa... Sắp tới, Công ty sẽ nghiên cứu cải tiến, đầu tư mới thiết bị nhà xưởng để nâng cao hơn nữa công suất và sản lượng nhà máy phiêu thép tại KCN Phố Nối A - Hưng Yên từ 20.000 tấn/tháng hiện nay lên 26.000 tấn/tháng.



ỐNG THÉP: THÀNH CÔNG VỚI DÂY CHUYỀN TÔN MẠ DÀI

Sau thành công của dây chuyền tôn mạ dài số 1 (hoạt động từ tháng 8/2011), Công ty đã triển khai đầu tư dây chuyền tôn mạ dài số 2 tại Nhà máy sản xuất ống thép Hòa Phát (KCN Như Quỳnh – Hưng Yên). Tháng 10/2012, dây chuyền tôn mạ kẽm thứ 2 này đã chính thức được đưa vào sản xuất. Sản phẩm tôn mạ dài và ống thép tôn mạ kẽm đã được khách hàng đánh giá cao về chất lượng và thương hiệu đối với các sản phẩm mới này. Thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, đưa ra các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, củng cố vị thế số 1 về sản xuất ống thép tại Việt Nam.

THIẾT BỊ XÂY DỰNG: RA MẮT DÒNG SẢN PHẨM CỐP PHA MẶT PHỦ PHIM

Dù chịu ảnh hưởng lớn từ khó khăn của ngành xây dựng, Công ty Thiết bị phụ tùng Hòa Phát vẫn tích cực đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Năm 2012, Công ty kinh doanh thêm sản phẩm cốp pha mặt phủ phim (hay còn gọi là ván gỗ coppha phủ phim), sản xuất trên công nghệ tiên tiến của châu Âu. Đây là loại vật liệu chuyên dụng được thiết kế và cấu tạo cho các ứng dụng công trình xây dựng, có khả năng chịu nhiệt, chịu nước và khí hậu khắc nghiệt ngoài trời, bề mặt nhẵn, chống bám dính và có độ đàn hồi cao. Ván coppha phủ phim đang là lựa chọn hàng đầu cho việc thi công các công trình đòi hỏi cao về kỹ thuật và thẩm mỹ.

HÀNG NỘI THẤT: NHIỀU SẢN PHẨM MỚI ĐƯỢC THỊ TRƯỜNG ĐÓN NHẬN TÍCH CỰC

Hoạt động nghiên cứu, sáng tạo sản phẩm mới của Công ty CP Nội thất Hòa Phát được triển khai liên tục, bài bản và



đồng bộ từ tất cả các khâu, các bộ phận từ nghiên cứu thiết kế đến khi tung sản phẩm ra thị trường. Năm qua, Công ty đã thành công với hàng loạt sản phẩm mới nhận được sự hưởng ứng rất tốt của thị trường và người tiêu dùng bởi mẫu mã đẹp, chất lượng và giá trị sử dụng cao. Trong đó phải kể đến sản phẩm Két sắt tài lộc, két tôn dày dùng cho khách sạn, gia đình, sản phẩm Bàn ghế học sinh sơn PU dán hình con giống, hàng văn phòng sử dụng Veneer, Sofa cao cấp ... Đây chính là những sản phẩm đem lại tăng trưởng doanh thu cho công ty năm 2012.

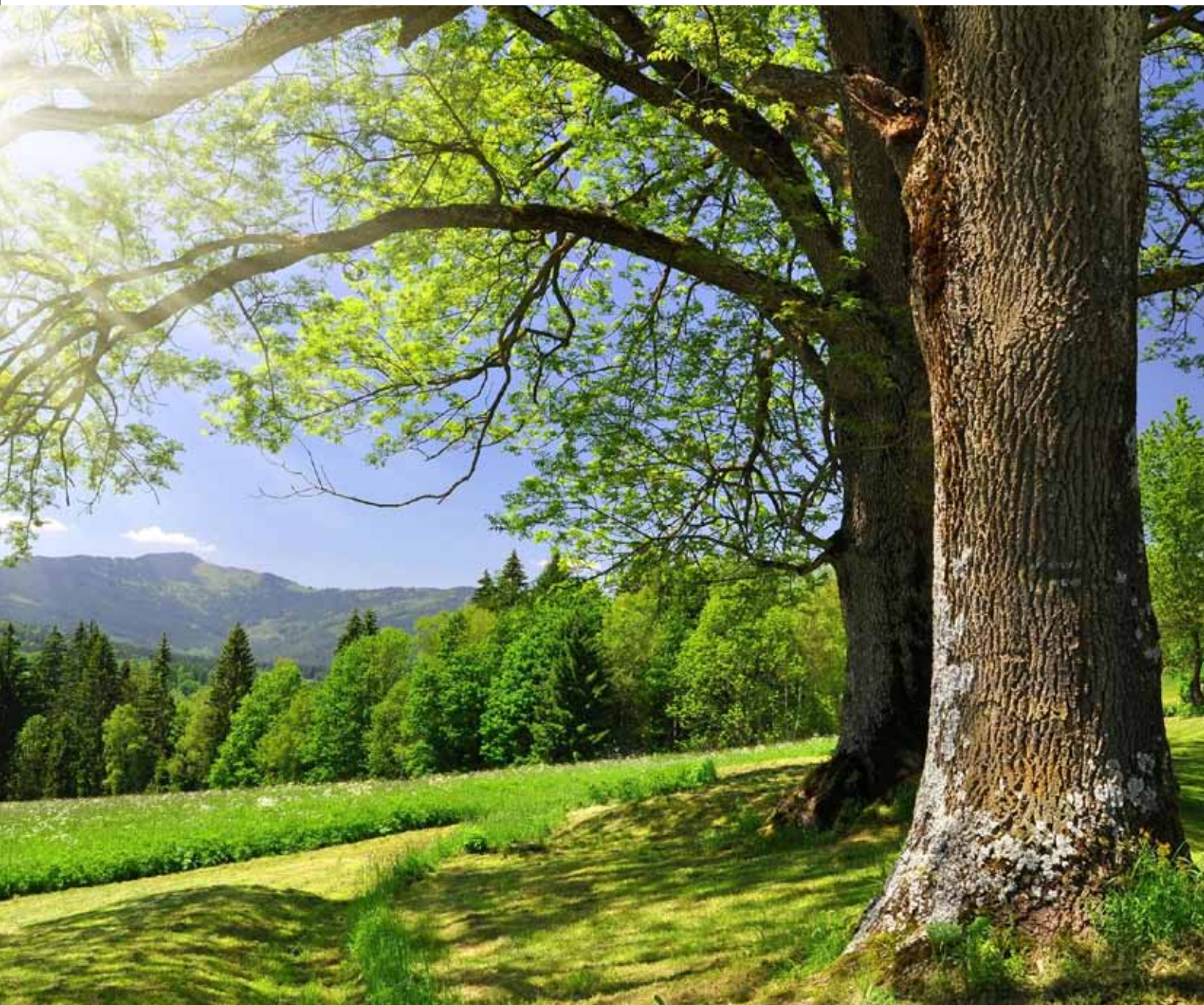
Sang năm 2013, Nội thất Hòa Phát sẽ nghiên cứu và phát triển các dòng hàng cao cấp cho văn phòng, gia đình, đồng thời tiếp tục đa dạng mẫu mã các dòng hàng: Tủ sắt, két sắt, hàng Inox, hàng trường học, hàng Ghế xoay.

ĐIỆN LẠNH RA ĐỜI BÌNH NƯỚC NÓNG CÔNG NGHỆ SILVERNANO

Năm 2012 vừa qua, Công ty Điện Lạnh Hòa Phát đầu tư mở rộng thêm dây chuyền máy móc, khuôn... cho các nhà máy nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm. Sau khi nghiên cứu nắm bắt thị hiếu người tiêu dùng, tháng 01/2012 Công ty đã cho ra mắt sản phẩm mới bình nước nóng Funiki ký hiệu HP25L - tráng men titanium, công nghệ silvernano hoàn toàn mới và sản phẩm tủ đông giữ nhiệt cao. Các dòng sản phẩm mới này ngay lập tức được thị trường đón nhận tích cực và góp phần giúp công ty hoàn thành kế hoạch doanh thu ngay từ tháng 7/2012.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô chưa thật ổn định, kết quả kiểm chế lạm phát chưa vững chắc dẫn đến khó khăn chung của toàn nền kinh tế.

Tập đoàn Hòa Phát cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng, tuy nhiên với nền tảng sản xuất công nghiệp ổn định, Hòa Phát đã vững vàng vượt qua năm 2012. Tổng kết năm, toàn Tập đoàn đạt 17.122 tỷ đồng doanh thu và 1.031 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, bằng 94% và 114% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, nhóm ngành sản xuất thép vẫn là mảng sản xuất kinh doanh có đóng góp lớn nhất vào tổng doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn, chiếm 83,6% doanh thu và 70,8% lợi nhuận sau thuế, nhóm ngành bất động sản đóng góp 2,8% vào doanh thu và 6,6% vào lợi nhuận của toàn Tập đoàn, nhóm ngành sản xuất công nghiệp khác cũng ghi nhận những kết quả ổn định với 13,6% tổng doanh thu và 22,6% tổng lợi nhuận của Tập đoàn.

Trong các nhóm ngành, thị phần thép xây dựng của Hòa Phát đang ngày càng tăng trưởng, từ 13,3% năm 2011 lên 13,7% năm 2012, đứng thứ 2 trên cả nước. Bên cạnh thép xây dựng, năm 2012, ống thép đã về đích từ đầu Quý IV và vượt kế hoạch lợi nhuận của năm. Các mảng sản xuất hỗ trợ cho sản xuất thép như khoáng sản và năng lượng vẫn tích cực sản xuất để đảm bảo nguồn nguyên liệu cho Khu liên hợp Gang thép. Ngành sản xuất công nghiệp khác năm 2012 giữ vững thị phần và tăng trưởng ổn định.

Dù thị trường bất động sản ảm đạm, Hòa Phát vẫn tập trung vào việc đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án. Khu phức hợp Mandarin Garden đang gấp rút thi công, đảm bảo tiến độ bàn giao căn hộ đầu tiên vào tháng 9/2013, sớm hơn kế hoạch đề ra 3 tháng.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2012 đã thể hiện trách nhiệm cao của Hội đồng Quản trị trong công tác quản lý, từ đó đưa ra những nhận định kế hoạch kinh doanh kịp

thời, sát với thực tế, đồng thời tổ chức chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao một cách khoa học nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty cũng như các cổ đông. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Các phương pháp mà Hội đồng Quản trị đưa ra ổn định sản xuất vượt qua khó khăn chung, đó là:

- Tập trung điều hành Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua;
- Ổn định và tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi;
- Duy trì và tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Sau 20 năm xây dựng và trưởng thành, Ban điều hành các Công ty là những người được chọn lựa trong hơn 8.000 người lao động trong Tập đoàn Hòa Phát, làm việc khẩn trương, quyết liệt và cẩn trọng. Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị đề ra.

Trong năm 2012, theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đã quyết liệt trong công tác đầu tư, tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành tại các công trình trọng điểm như giai đoạn 2 dự án thép tại Khu liên hợp gang thép Hòa Phát, dự án bất động sản Khu phức hợp Mandarin Garden... Dự kiến tháng 7 năm 2013 giai đoạn 2 của Khu liên hợp Hòa Phát sẽ đi vào sản xuất, tháng 9 năm 2013 các căn hộ đầu tiên của dự án Mandarin sẽ được bàn giao cho khách hàng đúng thời hạn trong bối cảnh nhiều dự án bất động sản đóng băng và nhiều nhà máy sản xuất phải ngừng hoạt động.

Nhìn chung, trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã nỗ lực làm việc, nhiệt huyết và đã có những quyết định linh hoạt, kịp thời để giữ vững hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lợi của Công ty; đồng thời tiếp tục nâng cao năng lực quản lý và chăm lo đời sống của người lao động.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo dự báo, kinh tế thế giới sẽ tiếp tục trên đà phục hồi và tăng trưởng, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Những khó khăn chung của kinh tế thế giới sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam nói chung và đến hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng.

Hội đồng Quản trị nhận định: mặc dù còn nhiều khó khăn do tổng cầu vẫn suy giảm, tỷ giá khó đoán định, thị trường



bất động sản chưa thấy tín hiệu phục hồi và khởi sắc... trong năm 2013 nhưng nền kinh tế Việt Nam sẽ có mức tăng trưởng tốt hơn năm trước. Do đó, HĐQT đồng ý với kế hoạch Ban điều hành sẽ trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế cao hơn so với năm 2012 khoảng 8% và 16%.

Hội đồng Quản trị cũng xác định nhiệm vụ lớn nhất của Hòa Phát trong năm 2013 là chính thức vận hành giai đoạn 2 Khu liên hợp gang thép Hòa Phát tại Hải Dương vào tháng 7/2013.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị tiếp tục xác định vai trò, vị trí và chức năng của mình theo Điều lệ Công ty để chỉ đạo thực hiện các mục tiêu năm 2013 do Đại hội cổ đông thông qua; thường xuyên duy trì các chương trình hợp, duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên của Hội đồng quản trị; đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng điều lệ, Nghị quyết của Đại hội cổ đông và các quy định của pháp luật hiện hành và đặc biệt là tăng cường quản trị Công ty để đảm bảo Công ty hoạt động minh bạch, hiệu quả.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng Quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại ngày 20/02/2013 (%) |
|-------------|-------------------|-------------------|---|
| 1 | Trần Đình Long | Chủ tịch HĐQT | 24,12 |
| 2 | Trần Tuấn Dương | Phó chủ tịch HĐQT | 2,69 |
| 3 | Nguyễn Mạnh Tuấn | Phó chủ tịch HĐQT | 2,65 |
| 4 | Doãn Gia Cường | Phó chủ tịch HĐQT | 1,98 |
| 5 | Nguyễn Ngọc Quang | Thành viên HĐQT | 1,98 |
| 6 | Tạ Tuấn Quang | Thành viên HĐQT | 0,19 |
| 7 | Hoàng Quang Việt | Thành viên HĐQT | 0,53 |
| 8 | Nguyễn Việt Thắng | Thành viên HĐQT | 0,35 |
| 9 | Ho An T | Thành viên HĐQT | - |
| 10 | Hans Christian | Thành viên HĐQT | - |
| Tổng | | | 34,49 |

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2012, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hòa Phát đã tiến hành các cuộc họp và thông qua các nội dung sau:

- Thông qua nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012: kế hoạch sản xuất kinh doanh, tỷ lệ chia cổ tức, phương án trích lập các quỹ, thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, sửa đổi Điều lệ và các nội dung khác...'
- Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Việt Thắng;
- Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty CP Bất động sản Hòa Phát – Á Châu;
- Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty CP Cửa Hòa Phát.
- Thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ;
- Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Tạ Tiến Dũng;
- Lùi thời hạn chi trả cổ tức năm 2011 từ Quý II năm 2012 sang 06 (sáu) tháng cuối năm 2012;
- Thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát;
- Thông qua phương án chi tiết chi trả cổ tức năm 2011 và phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012;
- Thông qua việc tăng tỷ lệ góp vốn tại Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú;
- Các nội dung khác.

SƠ YẾU LÝ LỊCH NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



Ông Trần Đình Long

Chủ tịch HĐQT



Ông Trần Tuấn Dương

*Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP
Tập đoàn Hòa Phát*

Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày vào Công ty: Năm 1992

Ông Trần Đình Long là cổ đông sáng lập và từng giữ vị trí Chủ tịch HĐQT của nhiều Công ty thành viên trong Tập đoàn. Ông là người đã xây dựng nền móng đầu tiên của Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát, tiền thân của Tập đoàn Hòa Phát hiện nay. Ông đã quy tụ được nhiều cán bộ giỏi về chuyên môn, đồng tâm về chí hướng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Trong quá trình hình thành và phát triển của Tập đoàn Hòa Phát, ông luôn là người định hướng chiến lược cho từng Công ty.

Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân báo chí Đại học Tổng hợp

Ngày vào Công ty: Năm 1992

Trước khi giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (từ tháng 1/2007), ông Trần Tuấn Dương đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại nhiều công ty thành viên của Tập đoàn như: Công ty Thiết bị Phụ tùng, Công ty Nội thất, Công ty Ống thép Hòa Phát. Với bề dày kinh nghiệm, ông đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao vị thế của thương hiệu thép Hòa Phát nói riêng cũng như toàn Tập đoàn nói chung.



Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

*Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH
Ống thép Hòa Phát*

Ông Doãn Gia Cường

*Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP
Nội thất Hòa Phát*

Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày vào Công ty: Năm 1996

Năm 1996, ông Nguyễn Mạnh Tuấn là Phó Giám đốc Công ty Ống thép Hòa Phát kiêm Trưởng phòng Kinh doanh. Từ tháng 10/2004, ông Tuấn đảm nhiệm vai trò Giám đốc Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát. Ông đã đưa Ống thép Hòa Phát trở thành nhà sản xuất ống thép hàng đầu tại Việt Nam.

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày vào Công ty: Năm 1999

Khi gia nhập Hòa Phát, ông Doãn Gia Cường được bổ nhiệm là Phó Giám đốc, sau đó là Giám đốc Công ty Nội thất Hòa Phát. Từ tháng 1/2007, ông kiêm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT. Với những định hướng rõ ràng và mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn, ông góp phần đưa thương hiệu Nội thất Hòa Phát ngày càng trở nên gắn gũi với mỗi người dân Việt Nam.



Ông Nguyễn Ngọc Quang

Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty
Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát



Ông Tạ Tuấn Quang

Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty
Điện lạnh Hòa Phát



Ông Nguyễn Việt Thắng

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP
Tập đoàn Hòa Phát

Trung cấp

Ngày vào Công ty: Năm 1992

Ông Nguyễn Ngọc Quang có 4 năm (1992-1996) là Giám đốc Chi nhánh Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát tại TP. Hồ Chí Minh. Từ năm 1997 đến nay, ông giữ vị trí Giám đốc Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát. Là nhà sản xuất máy xây dựng hàng đầu tại Việt Nam, những sản phẩm của Công ty do ông lãnh đạo đã chinh phục được khách hàng trong và ngoài nước về cả chất lượng sản phẩm, giá thành và dịch vụ hậu mãi.

Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày vào Công ty: Năm 1995

Ông Tạ Tuấn Quang là một trong những người đặt nền móng phát triển cho Nội thất Hòa Phát ngày nay. Ông từng có 11 năm gắn bó với Nội thất Hòa Phát với vai trò Giám đốc Công ty. Từ tháng 12 năm 2006 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Công ty Điện lạnh Hòa Phát và đã đem lại nhiều nét khởi sắc cho Công ty cũng như nâng tầm thương hiệu Funiki.

Kỹ sư Xây dựng

Ngày vào Công ty: Năm 2003

Trước khi giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (07/04/2012), ông Nguyễn Việt Thắng đã có nhiều kinh nghiệm làm việc ở vị trí lãnh đạo với chức vụ là Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị.



Ông Hoàng Quang Việt

Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát



Ông Ho An T

Thành viên HĐQT



Ông Hans Christian

Thành viên HĐQT,

Tốt nghiệp Đại học An ninh

Ngày vào Công ty: Năm 2001

Ông Hoàng Quang Việt gia nhập Hòa Phát với vị trí Phó Giám đốc Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát. Với cương vị Giám đốc, ông đã cùng Công ty gặt hái được nhiều thành công trong lĩnh vực bất động sản, với khởi đầu là xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Phố Nối A. Từ thành công đầu tiên này, Ông và Ban lãnh đạo Công ty hoạch định nhiều dự án triển vọng về nhà ở và khu công nghiệp khác.

Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh

Ngày vào Công ty: 2012

Trước khi là thành viên HĐQT, ông Andy Hồ từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư Dell Computer Corp (2000 – 2004); Giám đốc đầu tư Công ty quản lý quỹ Prudential (2004- 2007); Giám đốc điều hành Công ty quản lý quỹ Vinacapital (từ 4/2007-nay). Hiện ông Andy Hồ còn là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ Vinawealth, Công ty CP đầu tư và kinh Doanh nhà Khang Điền, Thành viên HĐQT công ty CP vàng đá quý Phú Nhuận.

Thạc sỹ Kinh doanh, Đan Mạch

Ngày vào công ty: 2012

Được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị năm 2012, Ông HANS CHRISTIAN từng công tác tại Quỹ Công nghiệp hoá cho các nước đang phát triển (IFU), Đan Mạch (1983-1989); Giám đốc khu vực, Quỹ đầu tư cho vùng Trung và Đông Âu, Đan Mạch(1989 – 1991); Tổng Giám đốc mảng nông nghiệp, Ngân hàng châu Âu cho xây dựng và phát triển (EBRD) London, Anh (1991-2006); Giám đốc điều hành quỹ PENM I và PENM II, BankInvest (2006 - nay).

BAN KIỂM SOÁT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại ngày 20/02/2013 (%) |
|-------------|----------------------|----------------|---|
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Vân | Trưởng BKS | 0.00003 |
| 2 | Đặng Phạm Minh Loan | Thành viên BKS | - |
| 3 | Trương Nữ Minh Ngọc | Thành viên BKS | - |
| 4 | Lê Tuấn Anh | Thành viên BKS | - |
| 5 | Vũ Thanh Thủy | Thành viên BKS | - |
| Tổng | | | 0.00003 |



Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Ông Lê Tuấn Anh

Bà Đặng Phạm Minh Loan

Bà Vũ Thanh Thủy

Bà Trương Nữ Minh Ngọc

Trưởng Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Cử nhân chuyên ngành kế toán, Học viện Tài chính kế toán Hà Nội.

Cử nhân kinh tế, Kế toán viên cấp nhà nước (Việt Nam)

Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán kiểm toán, Kế toán viên công chứng Anh Quốc (ACCA, UK); Kiểm toán viên cấp nhà nước (CPA Việt Nam)

Cử nhân kinh tế

Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Ngày vào Công ty: Năm 2007

Ngày vào công ty: 2006

Ngày vào Công ty: Năm 2007

Ngày vào Công ty: Năm 2005

Ngày vào công ty: Năm 2011

Trước khi đảm nhiệm vị trí Trưởng Ban kiểm soát, Bà Nguyễn Thị Thanh Vân đã từng làm Trưởng phòng Kế toán, công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (2007 – 2010). Từ năm 2011 đến nay, Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát

Trước khi giữ vai trò Thành viên Ban Kiểm soát, ông Lê Tuấn Anh từng làm việc tại Phòng kế toán Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát (2006 – 2007), chuyên viên Ban Kiểm soát (2007 – 2011) và hiện đang giữ chức vụ Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ - Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát.

Bà Đặng Phạm Minh Loan giữ nhiều vị trí quan trọng trong các tổ chức tài chính lớn như: Kiểm toán viên, phó phòng kiểm toán Công ty kiểm toán Quốc tế KPMG (2000-2005); Thành viên Ban Kiểm soát; Chuyên viên cao cấp, Trưởng phòng đầu tư Văn phòng đại diện công ty VinaCapital investment management Ltd. Từ 7/2010 bà là Phó giám đốc điều hành công ty VinaCapital.

Trước khi giữ vị trí thành viên Ban kiểm soát, Bà Vũ Thanh Thủy đã có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí như: nhân viên phòng kế toán, Công ty Cổ phần thép Hòa Phát (2005-2006); Nhân viên Ban Tài chính Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (2007 đến nay).

Bà Trương Nữ Minh Ngọc giữ nhiều vị trí quan trọng trong các tổ chức tài chính lớn như: Kiểm toán cao cấp của PricewaterhouseCoopers (9/2000 – 2/2005); Chuyên viên tài chính tại Quỹ đầu tư VinaCapital (2/2005 – 7/2005); Trưởng phòng đầu tư tại quỹ đầu tư Bank Invest từ năm 2007 đến nay.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 đã tiến hành bầu BKS cho nhiệm kỳ mới 2012 – 2017 gồm 5 thành viên. Ngay sau Đại hội, Ban kiểm soát đã tiến hành họp và bầu trưởng ban, phân công công việc cho từng thành viên, thống nhất chương trình hoạt động của Ban trong năm.

Các thành viên của Ban đều có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán trong đó một số thành viên còn có trình độ về phân tích đầu tư, quản trị kinh doanh chịu trách nhiệm thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Xem xét số liệu báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính, cập nhật kịp thời việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tìm hiểu, phân tích cập nhật thường xuyên tình hình SXKD thép
- Xem xét việc thực hiện, tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2012.
- Cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con trong Tập đoàn, Xem xét hiệu quả và tiến độ thực hiện dự án thép giai đoạn 2
- Xem xét kế hoạch tài chính và việc thực hiện kế hoạch tài chính tại từng công ty và toàn tập đoàn
- Xem xét báo cáo tài chính hàng quý
- Xem xét tình hình tồn kho, công nợ phải thu, chính sách bán hàng, tình hình thu tiền
- Xem xét việc mua lại cổ phần Công ty CP thép từ Công ty CP đầu tư ACB Hà Nội
- Cập nhật kế hoạch làm việc của kiểm toán nội bộ, xem xét các báo cáo kiểm toán nội bộ chi tiết từng công ty con trong Tập đoàn. Kết hợp với kiểm toán nội bộ làm việc tại các công ty con trong tập đoàn
- Xem xét việc thực hiện các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, xem xét báo cáo tài chính, báo cáo công tác điều hành của lãnh đạo tập đoàn, các báo cáo thực hiện của các dự án..
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đề xuất ý kiến nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Tập đoàn như việc lập kế hoạch tài chính, kế hoạch ngân sách, chiến lược định hướng trong sản xuất kinh doanh, phát triển thương hiệu, thị trường.

Trong năm 2012 BKS đã họp 4 lần với sự tham dự đầy đủ của các thành viên, tại cuộc họp các thành viên đã thảo luận các vấn đề quan trọng trong định hướng phát triển chung của Tập đoàn và trong từng mảng hoạt động kinh doanh.

Ban kiểm soát đánh giá cao kết quả đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của công ty, tình hình tài chính của công ty minh bạch, lành mạnh.

Ban kiểm soát cũng đưa ra ý kiến đề xuất với Công ty, cụ thể:
+ Công ty cần có những cuộc khảo sát về mức lương, thu nhập của nhân viên cũng như chính sách tiền lương chung của công ty so với các công ty, tập đoàn khác để có sự đánh giá xem mức lương của HPG có cạnh tranh không, có thu hút được nguồn nhân lực tốt cho công ty không - Công ty đang triển khai.

+ Về triển khai ERP đề nghị Công ty tìm kiếm đối tác có uy tín đã từng cung cấp dịch vụ cho các công ty cùng ngành, cùng quy mô trong vùng – Công ty đang triển khai gặp các nhà tư vấn có uy tín, kinh nghiệm

+ Đề nghị tổ chức các chương trình đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng, các chương trình huấn luyện và phát triển đội ngũ nhân sự - Công ty đang triển khai.

+ Đề nghị công ty có quy định về quy trình pháp lý, quy trình phê duyệt, quy trình quản lý kiểm tra đối với các hợp đồng quan trọng, giá trị lớn, hợp đồng mua bán kinh doanh của các bộ phận của công ty - Công ty đã có ban hành và đang thực hiện.

+ Đề nghị công ty rà soát lại Điều lệ của các công ty thành viên để đảm bảo sự nhất quán trong tập đoàn – Bộ phận pháp chế đang triển khai.

Các thành viên BKS cũng thường xuyên liên hệ, trao đổi với các thành viên HĐQT, lãnh đạo công ty, các bộ phận chức năng, nắm bắt kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến với các quyết định điều hành nhằm tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2012 BKS có sự thay đổi thành viên như sau :
ĐHĐCĐ của Công ty đưa ra Nghị quyết số 01/ NQ-ĐHĐCĐ.2012 ngày 30/3/2012 quyết định thông qua danh sách thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017 gồm

- **Bà Nguyễn Thị Thanh Vân**
- **Bà Đặng Phạm Minh Loan**
- **Bà Trương Nữ Minh Ngọc**
- **Bà Vũ Thanh Thủy**
- **Ông Lê Tuấn Anh**

Về chế độ thù lao cho thành viên BKS : 20 triệu đồng/người/năm.



Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT VÀ CÁC CÔNG TY CON

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 và báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2012 được đăng tải
trên Website của công ty theo địa chỉ: www.hoaphat.com.vn

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 62 |
| Báo cáo kiểm toán viên độc lập | 65 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 67 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 70 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 71 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 74 |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Hội đồng Quản trị | | |
|---------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| | Ông Trần Đình Long | Chủ tịch |
| | Ông Trần Tuấn Dương | Phó Chủ tịch |
| | Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Phó Chủ tịch |
| | Ông Doãn Gia Cường | Phó Chủ tịch |
| | Ông Nguyễn Ngọc Quang | Thành viên |
| | Ông Tạ Tuấn Quang | Thành viên |
| | Ông Hoàng Quang Việt | Thành viên |
| | Ông Nguyễn Việt Thắng | Thành viên |
| | | <i>(từ ngày 30 tháng 3 năm 2012)</i> |
| | Ông Andy Ho | Thành viên |
| | | <i>(từ ngày 30 tháng 3 năm 2012)</i> |
| | Ông Hans Christian Jacobsen | Thành viên |
| | | <i>(từ ngày 30 tháng 3 năm 2012)</i> |
| | Ông Don Di Lam | Thành viên |
| | | <i>(đến ngày 30 tháng 3 năm 2012)</i> |
| | Ông Lars Kjaer | Thành viên |
| | | <i>(đến ngày 30 tháng 3 năm 2012)</i> |
| Ban Giám đốc | Ông Trần Tuấn Dương | Tổng Giám đốc |
| | Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyễn | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Việt Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| | | <i>(từ ngày 7 tháng 4 năm 2012)</i> |
| | Ông Tạ Tiến Dũng | Phó Tổng Giám đốc |
| | | <i>(đến ngày 14 tháng 5 năm 2012)</i> |

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0900189284 ngày 22 tháng 11 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Các công ty con và công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1 cho báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 994.024 triệu VND (năm 2011: 1.236.438 triệu VND).

Ngày 4 tháng 10 năm 2012, Hội đồng Quản trị của Công ty ra nghị quyết số 19/NQHP-2012 về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 cho cổ đông với tỷ lệ 5:1 và tạm ứng cổ tức đợt một năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu tương đương với 349.211 triệu VND.

Các sự kiện lớn trong năm

- Ngày 7 tháng 3 năm 2012, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 19/2012/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát niêm yết bổ sung 31.361.348 cổ phiếu phát hành thêm từ trả cổ tức đợt 2 năm 2010 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 và chính thức giao dịch từ ngày 19 tháng 3 năm 2012 tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày 17 tháng 4 năm 2012, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn cổ phần (15.220.000 cổ phần) tương đương với 30% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát – Á Châu, một công ty liên kết của Công ty;
- Ngày 25 tháng 4 năm 2012, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn cổ phần (5.781.300 cổ phần) tương đương với 5% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê;
- Ngày 11 tháng 5 năm 2012, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn cổ phần (4.800.000 cổ phần) tương đương với 60% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Cửa Hòa Phát, một công ty con của Công ty;
- Từ ngày 29 tháng 5 năm 2012 đến ngày 11 tháng 7 năm 2012, Công ty đã bán 4.230.930 cổ phiếu quỹ của Công ty qua Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo phương thức giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận. Việc bán ra cổ phiếu quỹ này được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận vào ngày 17 tháng 5 năm 2012;
- Ngày 10 tháng 9 năm 2012, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn cổ phần trong Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Phát, tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát từ 70% lên 99.8%; và
- Ngày 20 tháng 12 năm 2012, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 998/2012/TB-SGDHCM về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát niêm yết bổ sung 69.841.425 cổ phiếu phát hành thêm từ trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5:1 và chính thức giao dịch từ ngày 28 tháng 12 năm 2012. Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh cho số cổ phiếu phát hành thêm từ trả cổ tức này vào ngày 22 tháng 11 năm 2012.

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty và Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội,



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt cho phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 6 đến 67. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính hợp nhất. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN/HN

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|------------|-------------|---------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 10.220.788.345.768 | 9.485.630.335.670 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 6 | 1.294.493.700.487 | 1.064.384.090.542 |
| Tiền | 111 | | 171.268.004.046 | 251.182.025.315 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.123.225.696.441 | 813.202.065.227 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 14 | 219.951.513.600 | - |
| Các khoản đầu tư ngắn hạn | 121 | | 219.951.513.600 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 7 | 1.646.343.637.635 | 1.897.393.185.237 |
| Phải thu khách hàng | 131 | | 1.150.508.510.152 | 1.525.539.693.581 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 381.695.830.668 | 339.013.436.605 |
| Các khoản phải thu khác | 135 | | 292.729.021.071 | 45.922.451.245 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | (178.589.724.256) | (13.082.396.194) |
| Hàng tồn kho | 140 | 8 | 6.822.077.238.740 | 6.347.046.845.992 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 6.847.996.509.051 | 6.423.900.938.591 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (25.919.270.311) | (76.854.092.599) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 237.922.255.306 | 176.806.213.899 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 37.412.808.587 | 59.828.574.679 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 141.403.013.965 | 76.064.998.076 |
| Thuế và các khoản phải thu Ngân sách Nhà nước | 154 | 9 | 32.413.440.414 | 15.008.421.862 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 26.692.992.340 | 25.904.219.282 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 8.794.975.115.778 | 8.039.052.690.405 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 448.979.590.000 | 449.008.590.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 218 | 7 | 448.979.590.000 | 449.008.590.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 7.007.089.647.235 | 5.919.927.446.732 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 4.295.767.594.850 | 4.391.699.339.919 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 6.529.948.378.267 | 6.051.631.907.556 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (2.234.180.783.417) | (1.659.932.567.637) |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | 224 | 10 | - | 9.648.515.450 |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | 16.488.423.548 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | (6.839.908.098) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 166.217.334.650 | 164.262.941.291 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 188.296.995.886 | 181.890.035.603 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (22.079.661.236) | (17.627.094.312) |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 12 | 2.545.104.717.735 | 1.354.316.650.072 |
| Bất động sản đầu tư | 240 | 13 | 66.519.066.085 | 11.107.795.733 |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 88.066.912.353 | 29.106.577.749 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | (21.547.846.268) | (17.998.782.016) |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 14 | 26.218.497.620 | 272.569.336.459 |
| Đầu tư vào các công ty liên kết | 252 | | 5.809.369.255 | 183.056.336.459 |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 20.409.128.365 | 89.513.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.246.168.314.838 | 1.386.439.521.481 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 15 | 327.676.686.308 | 343.590.859.015 |
| Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | 16 | 47.988.208.522 | 70.094.330.044 |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | 18.426.347.344 | 19.305.357.631 |
| Lợi thế thương mại | 269 | 17 | 852.077.072.664 | 953.448.974.791 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 19.015.763.461.546 | 17.524.683.026.075 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 10.438.205.916.396 | 9.561.051.849.556 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 7.362.009.487.292 | 6.646.566.078.572 |
| Vay ngắn hạn | 311 | 18 | 4.850.248.888.636 | 4.555.165.544.579 |
| Phải trả người bán | 312 | | 1.520.631.891.532 | 941.732.961.241 |
| Người mua trả tiền trước | 313 | | 187.595.273.309 | 39.916.738.424 |
| Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước | 314 | 19 | 209.932.737.460 | 245.561.340.161 |
| Phải trả người lao động | 315 | | 95.436.269.206 | 49.327.751.519 |
| Chi phí phải trả | 316 | 20 | 332.804.558.333 | 328.305.902.437 |
| Các khoản phải trả khác | 319 | 21 | 105.794.771.676 | 401.188.928.439 |
| Dự phòng | 320 | 22 | 11.211.707.436 | 11.577.689.249 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 323 | | 48.353.389.704 | 73.789.222.523 |
| Vay và nợ dài hạn | 330 | | 3.076.196.429.104 | 2.914.485.770.984 |
| Phải trả dài hạn khác | 333 | 21 | 1.620.487.869.471 | 1.014.907.788.704 |
| Vay dài hạn | 334 | 23 | 1.455.708.545.840 | 1.869.049.671.824 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | 13.793 | 2.688.299.655 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 336 | | - | 27.840.010.801 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 8.085.135.114.809 | 7.413.804.561.023 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 24 | 8.085.135.114.809 | 7.413.804.561.023 |
| Vốn cổ phần | 411 | 25 | 4.190.525.330.000 | 3.178.497.600.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 24 | 2.207.350.817.068 | 2.257.862.350.000 |
| Vốn khác | 413 | 24 | - | 313.613.480.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 414 | 24 | - | (150.970.558.021) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | 24 | 4.421.231.105 | 5.594.607.014 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 24,27 | 290.114.305.696 | 269.337.278.874 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | 24 | 1.392.723.430.940 | 1.539.869.803.156 |
| LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | | 492.422.430.341 | 549.826.615.496 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439) | 440 | | 19.015.763.461.546 | 17.524.683.026.075 |

Người lập:



Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 - DN/HN

| | Mã số | Thuyết minh | 2012 VND | 2011 VND |
|--|-----------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu | 01 | 28 | 17.122.073.926.267 | 18.092.906.336.584 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 28 | 295.222.033.283 | 241.009.775.009 |
| Doanh thu thuần (10 = 01 - 02) | 10 | | 16.826.851.892.984 | 17.851.896.561.575 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 29 | 14.341.642.566.494 | 14.979.112.891.099 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 2.485.209.326.490 | 2.872.783.670.476 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 30 | 164.624.612.181 | 329.278.942.087 |
| Chi phí tài chính | 22 | 31 | 585.024.105.173 | 1.069.830.704.860 |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>526.970.967.624</i> | <i>765.583.007.409</i> |
| Chi phí bán hàng | 24 | | 274.039.974.293 | 217.417.162.245 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 586.966.481.317 | 401.754.381.560 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)} | 30 | | 1.203.803.377.888 | 1.513.060.363.898 |
| Thu nhập khác | 31 | 32 | 210.272.300.024 | 114.290.095.355 |
| Chi phí khác | 32 | 33 | 195.329.039.096 | 127.456.626.431 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 14.943.260.928 | (13.166.531.076) |
| Lỗ từ các công ty liên kết | 41 | 14 | (541.298.162) | (10.750.989.141) |
| Lợi nhuận trước thuế TNDN (50 = 30 + 40 + 41) | 50 | | 1.218.205.340.654 | 1.489.142.843.681 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 34 | 168.282.075.477 | 209.141.964.481 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại | 52 | 34 | 19.417.835.660 | (16.849.624.478) |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 1.030.505.429.517 | 1.296.850.503.678 |
| Phân bổ cho: | | | | |
| Cổ đông thiểu số | 61 | | 36.481.107.081 | 60.412.781.235 |
| Chủ sở hữu của Công ty | 62 | | 994.024.322.436 | 1.236.437.722.443 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | Đã điều chỉnh lại |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 35 | 2.386 | 2.973 |

Người lập:

Lý Thị Ngan
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN

| | Mã số | Thuyết minh | 2012 VND | 2011 VND |
|--|-----------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 1.218.205.340.654 | 1.489.142.843.681 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và khấu trừ | 02 | | 596.227.337.059 | 541.922.822.267 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 02 | | 125.092.018.440 | 124.577.922.101 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 90.834.354.093 | 79.970.656.805 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | 1.105.860.020 | 73.528.264.937 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (127.834.058.603) | (168.431.397.099) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 526.970.967.624 | 765.583.007.409 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 2.430.601.819.287 | 2.906.294.120.101 |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác | 09 | | (58.060.734.370) | 67.002.771.904 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (444.727.394.130) | (1.874.369.887.775) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | 1.256.558.631.126 | 331.845.438.220 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 46.907.773.104 | (72.283.657.603) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (620.947.691.630) | (732.210.383.763) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (230.283.194.389) | (223.787.156.839) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 3.021.354.308 | 1.878.015.021 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (113.692.912.579) | (100.176.250.921) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh | 20 | | 2.269.377.650.727 | 304.193.008.344 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN

| | Mã số | Thuyết minh | 2012 VND | 2011 VND |
|---|-----------|-------------|----------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (1.828.105.150.975) | (1.723.752.583.204) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | | 51.448.674.795 | 14.471.773.287 |
| Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (222.260.641.965) | - |
| Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác | 24 | | 1.600.000.000 | 335.859.840.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | | (1.500.000.000) | (2.356.908.790) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | | 356.306.160.000 | 314.022.199.450 |
| Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi | 27 | | 66.064.545.910 | 183.710.509.234 |
| Mua công ty và một công ty con của công ty con (đã trừ đi số tiền của công ty được mua) | 28 | | - | (58.953.216.263) |
| Mua thêm cổ phần của các công ty con từ cổ đông thiểu số của các công ty con này | 29 | | (83.221.860.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư | 30 | | (1.659.668.272.235) | (936.998.386.286) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN

| | Mã số | Thuyết minh | 2012 VND | 2011 VND |
|--|-----------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông thiểu số | 31 | | - | 88.085.000.000 |
| Tiền thu từ bán ra cổ phiếu quỹ | 31 | | 100.459.025.089 | - |
| Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành | 32 | | - | (150.970.558.021) |
| Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được | 33 | | 18.070.024.211.394 | 17.042.399.604.265 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (18.188.281.993.321) | (16.327.876.309.624) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | | (361.790.013.578) | (2.863.876.264) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính | 40 | | (379.588.770.416) | 648.773.860.356 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 230.120.608.076 | 15.968.482.414 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | | 1.064.384.090.542 | 1.047.177.227.261 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền | 61 | | (10.998.131) | 1.238.380.867 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 6 | 1.294.493.700.487 | 1.064.384.090.542 |

Người lập:



Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình, và trường học;
- Sản xuất và chế biến gỗ;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí (chủ yếu là máy móc xây dựng, bàn ghế, tủ văn phòng);
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải và khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ ống inox;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu, chuyên giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao; và
- Ủy thác xuất – nhập khẩu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các công ty con và công ty liên kết sau:

| STT | Hoạt động chính | Lợi ích và quyền biểu quyết | | |
|--------------------|---|--|------------|--------|
| | | 31/12/2012 | 31/12/2011 | |
| Công ty con | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát | Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa. | 99,72% | 99,72% |
| 2 | Công ty CP Nội thất Hòa Phát | Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất. | 99,60% | 99,60% |
| 3 | Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát | Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép. | 99,86% | 99,86% |
| 4 | Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát | Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh. | 99,67% | 99,67% |
| 5 | Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát | Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây đồng bộ hạ tầng kỹ thuật. | 99,67% | 99,67% |
| 6 | Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát | Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt thép các loại, vật liệu xây dựng, đồ nội thất, máy điều hòa, máy giặt, tủ lạnh. | 99,00% | 99,00% |
| 7 | Công ty CP Thép Hòa Phát | Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc. | 85,00% | 85,00% |
| 8 | Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông | Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt. | 99,95% | 99,95% |
| 9 | Công ty CP Golden Gain Việt Nam | Kinh doanh bất động sản. | 84,954% | 84,92% |
| 10 | Công ty CP Năng lượng Hòa Phát | Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại. | 99,89% | 99,89% |
| 11 | Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát | Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại. | 100% | 100% |
| 12 | Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát | Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt, bô xít, các kim loại quý hiếm; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất than cốc, thạch cao, vôi, kim loại màu và kim loại quý; đúc sắt thép và kim loại màu. | 99,8% | 70% |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

| STT | Hoạt động chính | Lợi ích và quyền biểu quyết | |
|-------------------------|--|-----------------------------|------------|
| | | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| 13 | Công ty CP Cửa Hòa Phát Sản xuất các sản phẩm gỗ, plastic và cao su tổng hợp, sản xuất các sản phẩm bằng kim loại và hoạt động bán lẻ khác. | - | 60% |
| Công ty liên kết | | | |
| 1 | Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt không chứa sắt; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; và sản xuất than cốc, vôi, thạch cao. | 38% | 38% |
| 2 | Công ty CP Đầu tư Khai thác Khoáng Sản Yên Phú Khai thác mỏ và quặng sắt; sản xuất than cốc; sản xuất sắt, thép, gang và khai thác và thu gom than non, than bùn và quặng bô xít. | 50% | 40% |
| 3 | Công ty CP Bất động sản Hòa Phát - Á Châu Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà các loại, kinh doanh vật liệu xây dựng, lắp đặt hệ thống điện, và hệ thống cấp thoát nước. | - | 35% |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 8.084 nhân viên (31/12/2011: 8.263 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1. Tuyên bố về việc tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

2.2. Cơ sở đánh giá

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.1. Cơ sở hợp nhất

(a) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(b) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(c) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(d) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

3.2. Ngoại tệ

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của các công ty con của Công ty, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi các công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu Chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Chi phí Trả trước Dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

(b) Hoạt động ở nước ngoài

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập và chi phí của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.4. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

3.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc niên độ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí trực tiếp khác.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 50 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 3 – 12 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 25 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyên | 4 – 10 năm |
| ▪ tài sản cố định khác | 3 – 10 năm |

3.8. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3.7 (b).

3.9. Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được phân bổ. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 15 đến 46 năm.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 6 năm.

3.10. Bất động sản đầu tư

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 3 – 49 năm

3.11. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

3.12. Chi phí trả trước dài hạn

(a) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(b) Công cụ và dụng cụ

Công cụ, dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ hai đến ba năm.

(c) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ hai đến ba năm.

(d) Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện trong giai đoạn trước hoạt động của một số công ty con được ghi nhận trên tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các công ty con này bắt đầu đi vào hoạt động. Tại thời điểm đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trước hoạt động được chuyển sang tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(e) Chi phí thăm dò và đánh giá

Các hoạt động thăm dò và đánh giá liên quan đến việc tìm kiếm nguồn tài nguyên, xác định tính khả thi về kỹ thuật và đánh giá tính khả thi về thương mại của nguồn tài nguyên đã được xác định.

Chi phí thăm dò và đánh giá được vốn hóa cho đến khi Tập đoàn vẫn còn có quyền được hoạt động trong khu vực lợi ích và các hoạt động thăm dò chủ yếu trên khu vực lợi ích vẫn được tiếp tục. Chi phí thăm dò và đánh giá không thỏa mãn điều kiện trên sẽ được xóa sổ trong năm chi phí đó phát sinh, ngoại trừ trường hợp sau:



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Tại thời điểm mà các thủ tục thăm dò và đánh giá được tiến hành đủ để xác định sự tồn tại của các nguồn tài nguyên mang tiềm năng kinh tế:

- Các chi phí thăm dò và đánh giá dự kiến thu lại được qua quá trình triển khai và khai thác hiệu quả trong khu vực được vốn hóa cho đến khi bắt đầu tiến hành các hoạt động kinh doanh và sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
- Các chi phí thăm dò và đánh giá liên quan tới các thủ tục thăm dò và đánh giá xác định rằng không tồn tại nguồn tài nguyên có trữ lượng có thể thu hồi lại hiệu quả kinh tế sẽ được xóa sổ.

(f) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(g) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

(h) Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí phát hành trái phiếu phản ánh chi phí phát sinh liên quan đến phát hành trái phiếu. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(i) Chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ

Chi phí này bao gồm chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp khấu hao theo sản lượng thực tế sản xuất trên tổng sản lượng đăng ký của từng mỏ.

3.13. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Nếu giá trị hợp lý tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận là lợi thế thương mại và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

3.14. Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

3.15. Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

3.16. Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin về ý nghĩa của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản cho vay và các khoản phải thu; hoặc
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

(b) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.18. Doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(b) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(c) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(d) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(e) Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

3.19. Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

3.20. Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

3.21. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông của Công ty, các công ty liên kết của Tập đoàn và các bên khác theo quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất thép các loại: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phôi liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Kinh doanh máy móc xây dựng: sản xuất thiết bị xây dựng và kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng, và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa;
- Sản xuất đồ nội thất: sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất;
- Sản xuất sản phẩm điện lạnh: sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh;
- Bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, và đầu tư và xây đồng bộ hạ tầng kỹ thuật; và
- Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản: Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt, sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng, sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất, truyền tải, phân phối điện, bán buôn kim loại và quặng kim loại, và buôn bán than luyện cốc và than các loại.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

| Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND | Kinh doanh máy móc xây dựng VND | Sản xuất đồ nội thất VND | Sản xuất sản phẩm điện lạnh VND | Bất động sản VND | Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND | Loại trừ VND | Hợp nhất VND |
|--|---|--|--------------------------------|--|------------------------|---|----------------------------|---------------------------|
| | Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài | 13.209.200.217.416 | 240.731.985.407 | 1.339.354.418.630 | 397.141.524.885 | 447.425.123.385 | 1.192.998.623.261 | - |
| Doanh thu thuần giữa các bộ phận | 6.147.123.638.135 | 50.980.760.137 | 23.068.103.406 | 91.487.126.283 | 7.067.553.532 | 2.077.511.267.928 | (8.397.238.449.421) | - |
| Tổng doanh thu của bộ phận | 19.356.323.855.551 | 291.712.745.544 | 1.362.422.522.036 | 488.628.651.168 | 454.492.676.917 | 3.270.509.891.189 | (8.397.238.449.421) | 16.826.851.892.984 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận | 1.288.929.557.607 | 24.879.678.480 | 180.394.174.878 | 36.270.713.375 | 146.082.675.511 | 188.115.471.516 | (660.868.893.479) | 1.203.803.377.888 |
| Thu nhập khác | 138.894.728.571 | 28.569.705.141 | 20.939.691.694 | 24.423.636.678 | 7.050.443.276 | 14.376.897.799 | (23.982.803.135) | 210.272.300.024 |
| Chi phí khác | (135.337.510.217) | (14.563.932.660) | (7.529.005.142) | (22.374.009.246) | (4.350.075.301) | (13.616.480.002) | 2.441.973.472 | (195.329.039.096) |
| Phần chia lãi/(lỗ) của các công ty liên kết | - | - | - | - | - | - | (541.298.162) | (541.298.162) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | (65.498.001.679) | (5.215.024.821) | (40.261.232.306) | (9.515.941.900) | (31.423.660.394) | (16.368.214.377) | - | (168.282.075.477) |
| (Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại | (17.779.578.681) | (1.782.210.577) | (1.802.675.857) | (181.769.946) | (574.988.532) | 3.542.223.938 | (838.836.005) | (19.417.835.660) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 1.209.209.195.601 | 31.888.215.563 | 151.740.953.267 | 28.622.628.961 | 116.784.394.560 | 176.049.898.874 | (683.789.857.309) | 1.030.505.429.517 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HIN

| | Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND | Kinh doanh máy móc xây dựng VND | Sản xuất đồ nội thất VND | Sản xuất sản phẩm điện lạnh VND | Bất động sản VND | Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND | Loại trừ VND | Hợp nhất VND |
|--|---|--|--------------------------------|--|--------------------------|---|----------------------------|---------------------------|
| Tài sản của bộ phận | 17.563.949.492.469 | 328.480.484.003 | 894.165.506.691 | 282.303.048.404 | 3.380.847.120.331 | 3.892.550.239.550 | (7.332.341.799.156) | 19.009.954.092.292 |
| Khoản đầu tư vào công ty liên kết | 5.809.369.254 | - | - | - | - | - | - | 5.809.369.254 |
| Tổng tài sản | 17.569.758.861.723 | 328.480.484.003 | 894.165.506.691 | 282.303.048.404 | 3.380.847.120.331 | 3.892.550.239.550 | (7.332.341.799.156) | 19.015.763.461.546 |
| Nợ phải trả của bộ phận | 6.679.932.965.016 | 118.385.543.645 | 524.844.609.606 | 119.924.247.184 | 2.491.841.349.686 | 1.938.074.925.012 | (1.434.797.723.753) | 10.438.205.916.396 |
| Tổng nợ phải trả | 6.679.932.965.016 | 118.385.543.645 | 524.844.609.606 | 119.924.247.184 | 2.491.841.349.686 | 1.938.074.925.012 | (1.434.797.723.753) | 10.438.205.916.396 |
| Chỉ tiêu vốn | 1.505.513.671.464 | 5.326.545.521 | 75.375.568.718 | 1.338.149.930 | 70.811.890.700 | 174.875.045.518 | (5.135.720.877) | 1.828.105.150.975 |
| Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư | (356.096.894.345) | (16.644.612.562) | (47.798.048.346) | (14.487.007.152) | (8.491.224.097) | (156.020.000.178) | 4.377.537.488 | (595.160.249.191) |
| Khấu hao tài sản cố định vô hình | (1.937.874.081) | (942.567.648) | (1.801.413.079) | (97.000.921) | - | (224.978.729) | 299.651.181 | (4.704.183.277) |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

| | Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND | Kinh doanh máy móc xây dựng VND | Sản xuất đồ nội thất VND | Sản xuất sản phẩm điện lạnh VND | Bất động sản VND | Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND | Loại trừ VND | Hợp nhất VND |
|--|---|--|--------------------------------|--|------------------------|---|-----------------------------|---------------------------|
| Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | | | | | | | | |
| Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài | 14.706.463.951.566 | 412.017.639.931 | 1.306.479.591.181 | 390.315.242.269 | 150.562.601.991 | 886.057.534.637 | - | 17.851.896.561.575 |
| Doanh thu thuần giữa các bộ phận | 7.948.268.391.616 | 33.172.112.228 | 26.556.177.824 | 67.361.451.854 | 39.265.050.744 | 2.401.755.362.844 | (10.516.378.547.110) | - |
| Tổng doanh thu của bộ phận | 22.654.732.343.182 | 445.189.752.159 | 1.333.035.769.005 | 457.676.694.123 | 189.827.652.735 | 3.287.812.897.481 | (10.516.378.547.110) | 17.851.896.561.575 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận | 2.257.364.619.517 | 79.823.589.840 | 249.467.317.603 | 21.956.338.919 | 43.824.654.302 | 216.695.895.295 | (1.356.072.051.578) | 1.513.060.363.898 |
| Thu nhập khác | 105.259.427.028 | 3.772.047.283 | 7.386.708.070 | 1.329.342.869 | 3.851.205.313 | 11.204.511.381 | (18.513.146.589) | 114.290.095.355 |
| Chi phí khác | (114.816.464.740) | (3.853.565.697) | (4.207.875.794) | (779.598.070) | (1.545.288.703) | (9.852.242.275) | 7.598.408.848 | (127.456.626.431) |
| Phần chia lãi/(lỗ) của các công ty liên kết | - | - | - | - | 825.155.177 | - | (11.576.144.318) | (10.750.989.141) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | (110.923.574.669) | (12.953.004.886) | (49.963.222.200) | (4.885.824.073) | (25.662.204.301) | (4.754.134.352) | - | (209.141.964.481) |
| Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại | 13.010.653.411 | 334.289.907 | (597.250.412) | (1.047.087.622) | 2.637.216.167 | (2.543.205.843) | 5.055.008.870 | 16.849.624.478 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 2.149.894.660.547 | 67.123.356.447 | 202.085.677.267 | 16.573.172.023 | 23.930.737.955 | 210.750.824.206 | (1.373.507.924.767) | 1.296.850.503.678 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

| | Sản xuất và kinh doanh thép các loại | Kinh doanh máy móc xây dựng | Sản xuất đồ nội thất | Sản xuất sản phẩm điện lạnh | Bất động sản | Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản | Loại trừ | Hợp nhất |
|--|--|-----------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|--------------------------|--|----------------------------|---------------------------|
| Tài sản của bộ phận | 16.374.939.270.720 | 399.623.234.375 | 985.671.092.336 | 342.518.036.560 | 2.828.307.402.618 | 4.240.886.964.563 | (7.830.319.311.556) | 17.341.626.689.616 |
| Khoản đầu tư vào công ty liên kết | 157.930.000.000 | - | - | - | 190.378.027.839 | - | (165.251.691.380) | 183.056.336.459 |
| Tổng tài sản | 16.532.869.270.720 | 399.623.234.375 | 985.671.092.336 | 342.518.036.560 | 3.018.685.430.457 | 4.240.886.964.563 | (7.995.571.002.936) | 17.524.683.026.075 |
| Nợ phải trả của bộ phận | 6.228.452.711.378 | 147.831.449.896 | 515.606.080.997 | 168.608.641.500 | 2.223.192.359.169 | 2.544.370.363.486 | (2.267.009.756.870) | 9.561.051.849.556 |
| Tổng nợ phải trả | 6.228.452.711.378 | 147.831.449.896 | 515.606.080.997 | 168.608.641.500 | 2.223.192.359.169 | 2.544.370.363.486 | (2.267.009.756.870) | 9.561.051.849.556 |
| Chi tiêu vốn | 389.414.042.780 | 31.734.037.880 | 118.532.851.197 | 12.465.264.211 | 5.685.774.706 | 1.181.109.723.437 | (15.189.111.007) | 1.723.752.583.204 |
| Khấu hao của tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư | (331.987.060.758) | (15.310.026.601) | (43.111.701.582) | (15.200.821.744) | (11.293.890.320) | (130.921.864.670) | 2.846.261.213 | (544.979.104.462) |
| Khấu hao của tài sản cố định vô hình | (1.801.273.602) | (942.567.648) | (1.421.469.303) | (105.800.509) | - | (214.919.249) | 480.022.805 | (4.006.007.506) |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. Hợp nhất kinh doanh

Ngày 29 tháng 2 năm 2012, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát đã nhận chuyển nhượng thêm 19,95% vốn cổ phần và quyền kiểm soát tương ứng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Vận tải Hà Nội. Theo đó, lợi ích vốn cổ phần và quyền kiểm soát của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Vận tải Hà Nội tăng lên từ 79,95% thành 99,9%.

Ngày 10 tháng 9 năm 2012, Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng thêm 29,8% vốn cổ phần và quyền kiểm soát tương ứng của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát. Theo đó, lợi ích vốn cổ phần và quyền kiểm soát của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát tăng lên từ 70% thành 99,8%.

Việc mua thêm cổ phần ở các công ty con này có ảnh hưởng tới tài sản và công nợ của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

| | Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua | Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua |
|--|--|---|
| | Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát VND | Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Vận tải Hà Nội VND |
| Tài sản ngắn hạn | 80.016.656.011 | 44.442.679.108 |
| Tài sản cố định | 304.611.342.600 | - |
| Tài sản dài hạn khác | 11.488.107.313 | 49.181.250 |
| Lợi thế thương mại | 65.640.270.700 | - |
| Nợ ngắn hạn | (211.680.554.133) | (180.474.769) |
| Vay dài hạn | (78.080.300.000) | (196.725.000) |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | (793.165.248) | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được | 171.202.357.243 | 44.114.660.589 |
| | <hr/> | <hr/> |
| Phần tăng thêm trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua | 51.018.302.458 | 8.800.874.788 |
| | <hr/> | <hr/> |
| Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con | 2.621.697.542 | 20.780.985.212 |
| | <hr/> | <hr/> |
| Giá phí hợp nhất kinh doanh | 53.640.000.000 | 29.581.860.000 |

Căn cứ vào Công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với Công ty, trong trường hợp Công ty không thể xác định được một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của các công ty mua lại được, nên Công ty đã sử dụng giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ thuần của các công ty được mua lại để xác định lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền mặt | 7.290.746.319 | 5.594.813.521 |
| Tiền gửi ngân hàng | 160.931.606.040 | 245.587.211.794 |
| Tiền đang chuyển | 3.045.651.687 | - |
| Các khoản tương đương tiền | 1.123.225.696.441 | 813.202.065.227 |
| | 1.294.493.700.487 | 1.064.384.090.542 |

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Tiền tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng | 8.201.388.502 | 12.403.775.186 |
| Vật tư ứng trước cho nhà thầu | - | 8.717.527.162 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 6.780.609.597 | 3.686.091.359 |
| Các khoản cho vay không lãi | - | 3.600.000.000 |
| Vật tư mang đi gia công | 920.717.401 | 912.995.602 |
| Phải thu khác (*) | 276.826.305.571 | 16.602.061.936 |
| | 292.729.021.071 | 45.922.451.245 |

(*) Bao gồm trong các khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 264.000 triệu VND là giá trị nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty con của Tập đoàn từ một cổ đông của công ty con này. Tuy nhiên, cổ đông này chưa thực hiện được việc chuyển giao quyền sở hữu số cổ phần này cho Tập đoàn, và cổ đông này hiện đang liên quan tới một cuộc điều tra pháp luật. Việc chuyển nhượng cổ phần này được xác định là chưa hoàn thành. Do vậy, Ban lãnh đạo Tập đoàn coi khoản tiền đã trả cho cổ đông này là một khoản phải thu và tạm thời trích lập một khoản lập dự phòng phải thu khó đòi trị giá 164.000 triệu VND. Khả năng thu hồi khoản phải thu này và thời gian mà giao dịch chuyển nhượng cổ phần này có thể được coi là hoàn thành phụ thuộc vào kết quả của cuộc điều tra nêu trên và phụ thuộc vào kết quả thương lượng của các bên có liên quan.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Khoản ủy thác đầu tư (**) | 448.979.590.000 | 448.979.590.000 |
| Phải thu khác | - | 29.000.000 |
| | <hr/> 448.979.590.000 | <hr/> 449.008.590.000 |

(**) Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Tập đoàn đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel do sự ủy thác của Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này thuộc về Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Số tiền này tương ứng với số tiền nhận ủy thác đầu tư đang được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác (xem Thuyết minh 21).

8. Hàng tồn kho

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường | 721.681.193.928 | 576.834.146.557 |
| Nguyên vật liệu | 1.440.630.638.196 | 1.482.366.404.335 |
| Công cụ và dụng cụ | 194.695.141.551 | 185.776.149.805 |
| Sản phẩm dở dang | 2.837.866.560.636 | 2.278.239.775.831 |
| Thành phẩm | 1.596.687.095.873 | 1.812.628.601.007 |
| Hàng hóa | 53.548.434.481 | 83.320.718.988 |
| Hàng gửi đi bán | 2.887.444.386 | 4.735.142.068 |
| | <hr/> 6.847.996.509.051 | <hr/> 6.423.900.938.591 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (25.919.270.311) | (76.854.092.599) |
| | <hr/> 6.822.077.238.740 | <hr/> 6.347.046.845.992 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

| | 2012 | 2011 |
|--|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 76.854.092.599 | 8.720.545.604 |
| Tăng dự phòng trong năm | 27.861.358.613 | 77.748.589.569 |
| Hoàn nhập | (78.276.792.704) | (9.615.042.574) |
| Giảm do thanh lý một công ty con (Thuyết minh 37) | (519.388.197) | - |
| | 25.919.270.311 | 76.854.092.599 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 1.726.232 triệu VND (31/12/2011: 3.032.451 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 90.085 triệu VND (31/12/2011: 318.592 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

9. Thuế và các khoản phải thu Ngân sách Nhà nước

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa trong năm | 14.567.433.831 | 640.297.831 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm trả vào Ngân sách Nhà nước cho khoản ứng trước từ khách hàng mua căn hộ | 17.348.307.138 | 13.824.373.582 |
| Thuế và các khoản phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước | 497.699.445 | 543.750.449 |
| | 32.413.440.414 | 15.008.421.862 |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

10. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa VND | Dụng cụ văn phòng VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tài sản có định khác VND | Tổng VND |
|---|-------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 1.345.113.660.592 | 22.014.492.647 | 4.412.045.353.557 | 267.772.413.981 | 4.685.986.779 | 6.051.631.907.556 |
| Tăng trong năm | 255.779.175.485 | 1.999.190.882 | 24.847.976.814 | 20.169.478.448 | - | 302.795.821.629 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 119.276.101.091 | 2.840.404.336 | 93.442.616.695 | 3.620.968.637 | - | 219.180.090.759 |
| Thanh lý một công ty con (Thuyết minh 37) | (11.752.648.879) | (27.500.000) | (3.792.706.871) | - | - | (15.572.855.750) |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính (*) | - | - | 16.488.423.548 | - | - | 16.488.423.548 |
| Thanh lý và xóa sổ | (8.774.247.322) | (247.964.632) | (21.484.872.244) | (14.993.221.018) | (33.545.455) | (45.533.850.671) |
| Phân loại lại | 732.630.969 | 131.240.431 | (1.710.979.386) | 847.107.986 | - | - |
| Biên động khác | - | - | 2.334.887.952 | - | (1.376.046.756) | 958.841.196 |
| Số dư cuối năm | 1.700.374.671.936 | 26.709.863.664 | 4.522.170.700.065 | 277.416.748.034 | 3.276.394.568 | 6.529.948.378.267 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 251.858.050.577 | 11.670.031.415 | 1.291.833.017.663 | 101.583.232.080 | 2.988.235.902 | 1.659.932.567.637 |
| Khấu hao trong năm | 104.758.502.461 | 4.512.487.912 | 449.568.597.024 | 32.405.230.292 | 366.367.249 | 591.611.184.938 |
| Thanh lý một công ty con (Thuyết minh 37) | (409.928.074) | (6.483.635) | (484.841.214) | - | - | (901.252.923) |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính (*) | - | - | 6.839.908.098 | - | - | 6.839.908.098 |
| Thanh lý và xóa sổ | (1.005.477.825) | (177.860.496) | (13.666.779.990) | (8.104.163.764) | (33.545.455) | (22.987.827.530) |
| Phân loại lại | (41.948.719) | 9.667.312 | (23.495.396) | 55.776.803 | - | - |
| Biên động khác | - | - | (27.076.084) | - | (286.720.719) | (313.796.803) |
| Số dư cuối năm | 355.159.198.420 | 16.007.842.508 | 1.734.039.330.101 | 125.940.075.411 | 3.034.336.977 | 2.234.180.783.417 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.093.255.610.015 | 10.344.461.232 | 3.120.212.335.894 | 166.189.181.901 | 1.697.750.877 | 4.391.699.339.919 |
| Số dư cuối năm | 1.345.215.473.516 | 10.702.021.156 | 2.788.131.369.964 | 151.476.672.623 | 242.057.591 | 4.295.767.594.850 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với nguyên giá là 561.513 triệu VND đã khấu hao hết (31/12/2011: 246.080 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với giá trị còn lại là 3.068.910 triệu VND (31/12/2011: 3.503.593 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

(*) Trong năm tài sản cố định hữu hình thuê tài chính của một công ty con trong Tập đoàn được phân loại sang tài sản cố định hữu hình sau khi công ty này mua lại từ bên cho thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy vi tính VND | Tài sản khác VND | Tổng VND |
|---|--------------------------------------|---|-----------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 178.454.080.570 | 1.970.878.701 | 1.465.076.332 | 181.890.035.603 |
| Tăng trong năm | - | 722.425.200 | - | 722.425.200 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 22.486.759.346 | - | - | 22.486.759.346 |
| Thanh lý một công ty con (Thuyết minh 37) | (9.542.910.977) | (49.000.000) | (97.500.000) | (9.689.410.977) |
| Thanh lý | (7.112.813.286) | - | - | (7.112.813.286) |
| Số dư cuối năm | 184.285.115.653 | 2.644.303.901 | 1.367.576.332 | 188.296.995.886 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 15.873.872.428 | 1.116.071.850 | 637.150.034 | 17.627.094.312 |
| Khấu hao trong năm | 3.993.243.439 | 472.306.242 | 238.633.596 | 4.704.183.277 |
| Thanh lý một công ty con (Thuyết minh 37) | (146.251.520) | (39.177.758) | - | (185.429.278) |
| Thanh lý | (66.187.075) | - | - | (66.187.075) |
| Số dư cuối năm | 19.654.677.272 | 1.549.200.334 | 875.783.630 | 22.079.661.236 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 162.580.208.142 | 854.806.851 | 827.926.298 | 164.262.941.291 |
| Số dư cuối năm | 164.630.438.381 | 1.095.103.567 | 491.792.702 | 166.217.334.650 |

Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số tài sản cố định vô hình của Tập đoàn với giá trị còn lại là 68.955 triệu VND (31/12/2011: 96.630 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

12. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2012 VND | 2011 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 1.354.316.650.072 | 490.921.589.471 |
| Tăng trong năm | 1.524.586.904.146 | 1.605.358.744.105 |
| Tăng do mua các công ty con | - | 32.103.785.000 |
| Tăng do mua công ty con của một công ty con | - | 79.726.480.751 |
| Thanh lý công ty con | (675.421.490) | - |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (219.180.090.759) | (746.683.031.261) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (22.486.759.346) | (22.985.006.667) |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (58.960.334.604) | - |
| Thanh lý | (23.732.892.826) | - |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (8.851.100.428) | (67.122.967.762) |
| Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn | (334.536.103) | (15.561.041.871) |
| Biến động khác | 422.299.073 | (1.441.901.694) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 2.545.104.717.735 | 1.354.316.650.072 |

Các chi phí xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày lập báo cáo như sau:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Nhà máy điện giai đoạn II | 404.131.469.719 | 330.321.402.835 |
| Nhà máy Coke giai đoạn II | 690.186.392.879 | 685.316.172.423 |
| Khu liên hợp gang thép Hòa Phát giai đoạn II | 1.061.656.962.228 | 1.597.713.620 |
| Hệ thống bãi chứa thải nhà máy Hòa Yên | - | 1.418.745.076 |
| Mỏ Đức Tiên | 92.222.081.327 | 82.544.432.264 |
| Hệ thống lò nung và nghiền phun than | 71.084.748.112 | 50.716.805.088 |
| Nhà máy cơ khí mới | - | 11.464.572.962 |
| Dự án tủ sắt Bình Dương | - | 32.951.039.619 |
| Các dự án khác | 225.823.063.470 | 157.985.766.185 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 2.545.104.717.735 | 1.354.316.650.072 |

Trong năm, 54.390 triệu VND chi phí vay được vốn hoá vào xây dựng cơ bản dở dang (2011: 69.118 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

13. Bất động sản đầu tư

| | Nhà cửa VND |
|-----------------------------------|----------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm | 29.106.577.749 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 58.960.334.604 |
| | 88.066.912.353 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 17.998.782.016 |
| Khấu hao trong năm | 3.549.064.252 |
| | 21.547.846.268 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 11.107.795.733 |
| Số dư cuối năm | 66.519.066.085 |

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là đất và nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và tòa nhà cho thuê tại 257 Giải Phóng, Hà Nội.

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

14. Các khoản đầu tư tài chính

14.1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn | 219.951.513.600 | - |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

14.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Đầu tư dài hạn vào | | |
| Các công ty liên kết (*) | 5.809.369.255 | 183.056.336.459 |
| Các khoản đầu tư dài hạn khác (**) | 20.409.128.365 | 89.513.000.000 |
| | 26.218.497.620 | 272.569.336.459 |

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú | 1.500.000.000 | - |
| Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu | - | 177.522.561.718 |
| Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG | 4.309.369.255 | 4.857.544.692 |
| Các khoản đầu tư khác | - | 676.230.049 |
| | 5.809.369.255 | 183.056.336.459 |

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

| | 2012 VND | 2011 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 183.056.336.459 | 573.650.566.574 |
| Tăng trong năm | 1.500.000.000 | 2.380.000.000 |
| Phần lỗ từ các công ty liên kết | (541.298.162) | (10.750.989.141) |
| Giảm trong năm do chuyển một công ty liên kết thành công ty con | - | (84.416.660.935) |
| Thanh lý trong năm | (177.522.561.718) | (297.806.580.039) |
| Giảm khác | (683.107.324) | - |
| | 5.809.369.255 | 183.056.336.459 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(**) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà (***) | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội (***) | 700.000.000 | 700.000.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Dương (****) | 2.400.000.000 | 4.000.000.000 |
| Công ty CP Sắt Thạch Khê | - | 69.813.000.000 |
| Các khoản đầu tư khác | 2.309.128.365 | - |
| | 20.409.128.365 | 89.513.000.000 |

(***) Đây là các khoản đầu tư vốn dài hạn với tỷ lệ vốn góp thực tế dưới 20%.

(****) Đây là khoản cho vay không được đảm bảo, trong năm chịu lãi suất cố định 1% (2011: 1%) một năm.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

15. Chi phí trả trước dài hạn

| | Chi phí trước hoạt động VND | Công cụ và dụng cụ VND | Chi phí đạt tu, sửa chữa lớn VND | Chi phí chênh lệch tỷ giá VND | Chi phí thâm dò và đánh giá VND | Chi phí trả trước VND | Chi phí giải phóng mặt bằng VND | Chi phí phát hành trái phiếu VND | Chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ VND | Chi phí trả trước khác VND | Tổng VND |
|--|-----------------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|----------------------------------|--|----------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 8.089.865.983 | 42.687.072.748 | 1.988.505.890 | 29.483.414.607 | 49.026.981.400 | 60.436.027.961 | 39.832.526.993 | 2.951.452.084 | 64.065.053.640 | 45.029.957.709 | 343.590.859.015 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản | | | | | | | | | | | |
| Đờ dăng | 5.870.112.490 | - | 793.211.156 | - | 1.931.707.000 | - | - | - | - | 256.069.782 | 8.851.100.428 |
| Tăng trong năm | - | 44.501.396.634 | 1.175.062.564 | - | 426.756.451 | 1.766.897.308 | 3.488.577.975 | - | 402.000.000 | 23.709.724.458 | 75.470.415.390 |
| Thanh lý một công ty con | - | (607.802.227) | - | - | - | - | - | - | - | - | (607.802.227) |
| Phân loại lại | - | (1.848.624.445) | (226.016.654) | - | (2.070.339.683) | - | - | - | 1.797.612.410 | 2.347.368.372 | - |
| Xóa sổ | - | - | - | - | - | - | - | - | - | (7.811.055) | (7.811.055) |
| Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn | - | - | - | - | - | - | - | - | (4.375.359.361) | - | (4.375.359.361) |
| Phân bổ | (6.442.121.810) | (46.384.782.189) | (1.410.163.189) | (7.255.696.430) | (1.926.104.287) | (2.314.608.948) | (1.368.676.707) | (1.775.977.320) | (3.188.228.502) | (21.412.797.253) | (93.479.156.635) |
| trong năm | (1.509.397.735) | - | - | - | - | - | - | - | - | (256.161.512) | (1.765.559.247) |
| Biên động khác | | | | | | | | | | | |
| Số dư cuối năm | 6.008.458.928 | 38.347.260.521 | 2.320.599.767 | 22.227.718.177 | 47.389.000.881 | 59.888.316.321 | 41.952.428.261 | 1.175.474.764 | 58.701.078.187 | 49.666.350.501 | 327.676.686.308 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 40.014 triệu VND (31/12/2011: 45.774 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí phải trả | 9.110.679.876 | 7.964.463.833 |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm | - | 3.820.173.170 |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 37.933.449.536 | 38.366.752.330 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 944.079.110 | 4.433.499.145 |
| Giá trị thuế của khoản lỗ mang sang | - | 15.509.441.566 |
| | 47.988.208.522 | 70.094.330.044 |
| | 47.988.208.522 | 70.094.330.044 |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

17. Lợi thế thương mại

| | Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông VND | Công ty CP Năng lượng Hòa Phát VND | Công ty CP Golden Gain Việt Nam VND | Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát VND | Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội (*) VND | Công ty Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội (*) VND | Công ty TNHH Bao bì Việt (**) VND | Công ty CP Khoáng sản Đức Long (***) VND | Công ty CP Khoáng sản Hòa Yên (****) VND | Công ty TNHH Đức Tiên (****) VND | Tổng VND |
|---|---|------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|---|--|-----------------------------------|--|--|----------------------------------|-------------------|
| Giá gốc | | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 350.232.527.609 | 206.244.396.684 | 354.742.534.269 | 31.392.920.661 | 74.526.572.949 | 68.715.129.084 | 29.824.917.043 | 88.314.041.292 | 2.783.778.959 | 5.787.962.619 | 1.212.564.781.169 |
| Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh | - | - | - | 2.621.697.542 | - | 20.780.985.212 | - | - | - | - | 23.402.682.754 |
| Biến động khác | - | - | 317.433.559 | - | - | - | - | - | - | - | 317.433.559 |
| Số dư cuối năm | 350.232.527.609 | 206.244.396.684 | 355.059.967.828 | 34.014.618.203 | 74.526.572.949 | 89.496.114.296 | 29.824.917.043 | 88.314.041.292 | 2.783.778.959 | 5.787.962.619 | 1.236.284.897.482 |
| Giá trị phân bổ lũy kế | | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 90.476.736.299 | 32.655.362.808 | 59.123.755.712 | 2.354.469.049 | 22.145.400.225 | 13.742.640.783 | 12.427.048.775 | 23.659.412.436 | - | 2.530.980.291 | 259.115.806.378 |
| Phân bổ trong năm | 35.023.251.965 | 20.624.439.668 | 35.490.125.105 | 3.139.292.066 | 9.082.256.016 | 7.483.024.675 | 5.964.983.409 | 8.831.404.128 | 440.765.002 | 578.796.262 | 126.658.338.296 |
| Biến động khác | - | - | - | - | - | - | - | - | - | (1.566.319.856) | (1.566.319.856) |
| Số dư cuối năm | 125.499.988.264 | 53.279.802.476 | 94.613.880.817 | 5.493.761.115 | 31.227.656.241 | 21.225.665.458 | 18.392.032.184 | 32.490.816.564 | 440.765.002 | 1.543.456.697 | 384.207.824.818 |
| Giá trị ghi số | | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 259.755.791.310 | 173.589.033.876 | 295.618.778.557 | 29.038.451.612 | 52.381.172.724 | 54.972.488.301 | 17.397.868.268 | 64.654.628.856 | 2.783.778.959 | 3.256.982.328 | 953.448.974.791 |
| Số dư cuối năm | 224.732.539.345 | 152.964.594.208 | 260.446.087.011 | 28.520.857.088 | 43.298.916.708 | 68.270.448.838 | 11.432.884.859 | 55.823.224.728 | 2.343.013.957 | 4.244.505.922 | 852.077.072.664 |

(*) Đây là các công ty con của Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô Thị Hòa Phát.

(**) Đây là công ty con của Công ty TNHH Thiết bị Phụ Tùng Hòa Phát.

(***) Đây là các công ty con của Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

18. Vay ngắn hạn

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 4.421.192.510.273 | 4.048.441.427.403 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23) | 429.056.378.363 | 506.724.117.176 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 4.850.248.888.636 | 4.555.165.544.579 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |

Bao gồm trong số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là các khoản vay bằng VND và USD với giá trị tương ứng là 2.952.060 triệu VND và 1.469.132 triệu VND (31/12/2011: 2.971.750 triệu VND và 1.076.691 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay bằng VND và các khoản vay bằng USD giá trị ghi sổ tương ứng là 1.651.050 triệu VND và 961.392 triệu VND (31/12/2011: 2.323.378 triệu VND và 741.043 triệu VND) được bảo đảm bằng một số hàng tồn kho, các khoản phải thu khách hàng và tài sản cố định của Tập đoàn và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“cổ phiếu HPG”) thuộc sở hữu của một số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Trong năm, các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất tương ứng từ 4% đến 17% (2011: 10,5% đến 19,5%) một năm và từ 3% đến 7% (2011: 4,06% đến 8,5%) một năm.

19. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 63.038.488.570 | 46.352.522.336 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 1.944.505.846 | 2.382.175.553 |
| Thuế xuất nhập khẩu | 3.683.487.535 | 7.775.472.598 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 124.017.842.930 | 168.012.714.066 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ thanh toán | 2.897.134.787 | 2.550.198.715 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 911.925.456 | 2.055.604.876 |
| Thuế tài nguyên | 5.347.434.394 | 6.157.908.670 |
| Thuế nhà đất | 4.070.550.435 | 3.153.972.000 |
| Các loại thuế khác | 4.021.367.507 | 7.120.771.347 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 209.932.737.460 | 245.561.340.161 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

20. Chi phí phải trả

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí phải trả cho nhà thầu | 200.946.259.441 | 109.337.619.761 |
| Chi phí lãi vay | 49.133.268.178 | 101.576.761.381 |
| Trích trước chi phí xây dựng Khu công nghiệp Hòa Mạc | 12.015.766.307 | 11.792.991.137 |
| Trích trước chi phí xây dựng tổ hợp chung cư tại 257 Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội | - | 25.806.372.714 |
| Trích trước chi phí xây dựng Khu công nghiệp Phố Nối A | 22.383.303.206 | 22.383.303.206 |
| Tiền điện | 7.028.807.646 | 12.621.756.825 |
| Phí dịch vụ | 181.870.000 | 6.642.466.874 |
| Chi phí khuyến mại | 23.554.892.096 | 22.801.455.255 |
| Chi phí bảo lãnh | 4.112.803.561 | 3.831.232.877 |
| Lương và thưởng | 2.362.252.166 | 2.947.681.656 |
| Chi phí phải trả khác | 11.085.335.732 | 8.564.260.751 |
| | 332.804.558.333 | 328.305.902.437 |

21. Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu chưa thực hiện | 4.546.262.597 | 281.244.184.463 |
| Hàng tạm nhập | 17.298.357.276 | 24.272.973.058 |
| Phải trả Công ty TNHH RHI Retractories Asia-Pacific PTE | 12.770.664.171 | 18.824.704.652 |
| Phải trả Công ty CP Golden Gain Enterprises | 11.864.540.153 | 11.864.540.153 |
| Cổ tức phải trả | 746.511.000 | 10.904.160.245 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 17.647.236.019 | 10.721.819.000 |
| Chiết khấu thương mại | 9.559.659.369 | 9.204.817.452 |
| Phải trả trợ cấp thất nghiệp | - | 2.870.349.895 |
| Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 1.862.326.208 | 1.361.617.441 |
| Vay cá nhân không lãi | - | 8.710.470.051 |
| Lãi vay phải trả | 12.982.810.722 | 125.791.022 |
| Các khoản phải trả khác | 16.516.404.161 | 21.083.501.007 |
| | 105.794.771.676 | 401.188.928.439 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Các khoản phải trả dài hạn khác bao gồm:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ thanh toán (*) | 1.146.772.731.369 | 554.993.719.601 |
| Khoản nhận ủy thác đầu tư (**) | 448.979.590.000 | 448.979.590.000 |
| Các khoản phải trả khác | 24.735.548.102 | 10.934.479.103 |
| | 1.620.487.869.471 | 1.014.907.788.704 |

(*) Đây là khoản tiền nhận được từ các khách hàng, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, để mua căn hộ chung cư theo tiến độ thanh toán.

(**) Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Tập đoàn nhận ủy thác đầu tư từ Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu để đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel (xem Thuyết minh 7).

22. Các khoản dự phòng – ngắn hạn

Biến động của khoản dự phòng ngắn hạn trong năm như sau:

| | Chi phí bảo hành VND |
|------------------------------|-------------------------|
| Số dư đầu năm | 11.577.689.249 |
| Dự phòng lập trong năm | 6.094.625.722 |
| Dự phòng sử dụng trong năm | (3.938.029.860) |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (2.522.577.675) |
| | 11.211.707.436 |

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong năm 2012. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương ứng.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

23. Vay dài hạn

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Vay dài hạn (a) | 1.684.764.924.203 | 1.575.773.789.000 |
| Trái phiếu dài hạn (b) | 200.000.000.000 | 800.000.000.000 |
| | <hr/> 1.884.764.924.203 | <hr/> 2.375.773.789.000 |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18) | (429.056.378.363) | (506.724.117.176) |
| | <hr/> 1.455.708.545.840 | <hr/> 1.869.049.671.824 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|--------------|-----------------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | Thả nổi | 2020 | 362.063.874.010 | 232.676.559.409 |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam | VND | 9,6% | 2026 | 271.209.278.592 | 176.756.976.280 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | VND/ USD | Thả nổi | 2014 | 146.432.953.664 | 380.621.544.074 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | VND/ USD | Thả nổi | 2015 | 63.297.250.000 | 87.984.340.038 |
| Ngân hàng TNHH Indovina Hà Nội | VND/ USD | Thả nổi | 2014 | 112.874.304.652 | 169.605.302.392 |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam | VND/ USD | Thả nổi | 2013 | 10.069.051.878 | 40.324.604.334 |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam | VND/ USD | Thả nổi | 2016 | 262.419.199.649 | 302.791.384.112 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | Thả nổi | 2017 | 297.399.011.758 | - |
| Vay các ngân hàng khác | VND | Thả nổi | 2014 | - | 6.840.168.361 |
| Vay từ một cá nhân | VND | 12%-15% | 2015 | 159.000.000.000 | 178.172.910.000 |
| Trái phiếu dài hạn | VND | Thả nổi | 2013 | 200.000.000.000 | 800.000.000.000 |
| | | | | <hr/> 1.884.764.924.203 | <hr/> 2.375.773.789.000 |

(a) Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho, tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn. Ngoài ra, các khoản vay dài hạn này còn được đảm bảo bằng một số cổ phiếu HPG, quyền sử dụng đất và một số tài sản đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai của một công ty con, một bất động sản của một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, và quyền khai thác mỏ của một công ty con và toàn bộ máy móc thiết bị và nhà xưởng trong tương lai của các mỏ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

- (b) Trái phiếu được hưởng lãi suất bằng tổng các mức lãi suất tham khảo (số trung bình của 4 mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND năm hạn 12 tháng lãi trả sau công bố tại các Sở Giao dịch tại Hà Nội của 4 ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) tại Ngày Ấn định Lãi suất hàng năm cộng thêm 3,5%/năm). Trong trường hợp không có mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND năm hạn 12 tháng lãi trả sau, các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND khác với năm hạn tương đương sẽ được sử dụng. Lãi Trái phiếu sẽ được thanh toán hàng năm vào ngày 21 tháng 7, đợt thanh toán đầu tiên là ngày 21 tháng 7 năm 2011.

Trong năm, Công ty đã mua lại 600 trong số 800 trái phiếu từ các trái chủ. Phần 200 trái phiếu còn lại sẽ được hoàn trả vào ngày 21 tháng 7 năm 2013.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác VND | Cổ phiếu quỹ VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--|--------------------|--------------------------------|-----------------|---------------------|--------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|-------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011 | 3.178.497.600.000 | 2.257.862.350.000 | - | - | 171.064.385 | 204.910.352.336 | 756.654.573.637 | 6.398.095.940.358 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | - | (150.970.558.021) | - | - | - | (150.970.558.021) |
| Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động | - | - | - | - | 5.632.323.490 | - | - | 5.632.323.490 |
| Chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | (1.133.388.341) | - | - | (1.133.388.341) |
| Chuyển sang tài khoản chi phí trả trước dài hạn | - | - | - | - | 924.607.480 | - | - | 924.607.480 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | - | 1.236.437.722.443 | 1.236.437.722.443 |
| Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | - | - | - | 63.913.492.819 | (63.913.492.819) | - |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (69.206.182.798) | (69.206.182.798) |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu | - | - | 313.613.480.000 | - | - | - | (313.613.480.000) | - |
| Thủ lao thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị | - | - | - | - | - | - | (5.864.000.000) | (5.864.000.000) |
| Biến động khác | - | - | - | - | - | 513.433.719 | (625.337.307) | (111.903.588) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 3.178.497.600.000 | 2.257.862.350.000 | 313.613.480.000 | (150.970.558.021) | 5.594.607.014 | 269.337.278.874 | 1.539.869.803.156 | 7.413.804.561.023 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác VND | Cổ phiếu quỹ VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng VND |
|---|--------------------|--------------------------------|-------------------|---------------------|--------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|-------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 3.178.497.600.000 | 2.257.862.350.000 | 313.613.480.000 | (150.970.558.021) | 5.594.607.014 | 269.337.278.874 | 1.539.869.803.156 | 7.413.804.561.023 |
| Vốn cổ phần tăng trong năm (xem Thuyết minh 25 và 26) | 313.613.480.000 | - | (313.613.480.000) | - | - | - | - | - |
| Cổ phiếu quỹ bán trong năm | - | (50.511.532.932) | - | 150.970.558.021 | - | - | - | 100.459.025.089 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | - | 994.024.322.436 | 994.024.322.436 |
| Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | - | - | - | 30.471.197.332 | (30.471.197.332) | - |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (60.973.138.627) | (60.973.138.627) |
| Sử dụng các quỹ | - | - | - | - | - | (9.130.386.122) | - | (9.130.386.122) |
| Trả cổ tức (Thuyết minh 25 và 26) | 698.414.250.000 | - | - | - | - | - | (1.047.625.358.000) | (349.211.108.000) |
| Thù lao thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị | - | - | - | - | - | - | (2.646.000.000) | (2.646.000.000) |
| Biến động khác | - | - | - | - | (1.173.375.909) | (563.784.388) | 544.999.307 | (1.192.160.990) |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 4.190.525.330.000 | 2.207.350.817.068 | - | - | 4.421.231.105 | 290.114.305.696 | 1.392.723.430.940 | 8.085.135.114.809 |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

| | 31/12/2012 | | 31/12/2011 | |
|---------------------------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 419.052.533 | 4.190.525.330.000 | 317.849.760 | 3.178.497.600.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 419.052.533 | 4.190.525.330.000 | 317.849.760 | 3.178.497.600.000 |
| Cổ phiếu quỹ | - | - | (4.230.930) | (42.309.300.000) |
| Số cổ phiếu hiện đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 419.052.533 | 4.190.525.330.000 | 313.618.830 | 3.136.188.300.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

| | 2012 | | 2011 | |
|--|--------------------|--------------------------|--------------------|--------------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Số dư đầu năm | 313.618.830 | 3.136.188.300.000 | 317.849.760 | 3.178.497.600.000 |
| Vốn cổ phần phát hành trong năm đợt 1 (*) | 31.361.348 | 313.613.480.000 | - | - |
| Vốn cổ phần phát hành trong năm đợt 2 (**) | 69.841.425 | 698.414.250.000 | - | - |
| Cổ phiếu quỹ bán ra/(mua vào) trong năm | 4.230.930 | 42.309.300.000 | (4.230.930) | (42.309.300.000) |
| Số dư cuối năm | 419.052.533 | 4.190.525.330.000 | 313.618.830 | 3.136.188.300.000 |

(*) Tại ngày 21 tháng 12 năm 2011, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt nghị quyết cho việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên thành 3.492.111.080.000 VND thông qua hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phần lợi nhuận chưa phân phối đã được trích lập vào tài khoản vốn khác cho việc phát hành cổ phiếu bằng cổ tức này. Sau khi nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh cho việc tăng vốn điều lệ, ngày 24 tháng 2 năm 2012 Công ty đã kết chuyển khoản vốn khác này sang tài khoản vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(**) Ngày 4 tháng 10 năm 2012, Hội đồng Quản trị của Công ty ra nghị quyết số 19/NQHP-2012 về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 cho cổ đông với tỷ lệ 5:1. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng lên thành 4.190.525.330.000 VND. Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh cho việc tăng vốn cổ phần này vào ngày 22 tháng 11 năm 2012.

26. Cổ tức

Ngày 4 tháng 10 năm 2012, Hội đồng Quản trị của Công ty ra nghị quyết số 19/NQHP-2012 về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 cho cổ đông với tỷ lệ 5:1 và tạm ứng cổ tức đợt một năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu tương đương với 349.211 triệu VND.

27. Quỹ dự phòng tài chính

Hàng năm Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con sẽ trích lập quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế (không bao gồm lợi nhuận từ các công ty con và công ty liên kết chuyển về) với mức trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

28. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | 2012 VND | 2011 VND |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán hàng | 16.544.777.846.020 | 17.924.102.900.875 |
| ▪ Cung cấp dịch vụ | 137.763.116.377 | 53.069.923.303 |
| ▪ Doanh thu cho thuê đất | 64.847.616.600 | 77.149.042.405 |
| ▪ Hợp đồng xây dựng | 1.559.667.271 | 38.584.470.001 |
| ▪ Doanh thu bán căn hộ | 373.125.679.999 | - |
| | <hr/> 17.122.073.926.267 | <hr/> 18.092.906.336.584 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Chiết khấu thương mại | 180.653.811.626 | 153.563.970.246 |
| ▪ Giảm giá hàng bán | 186.823.682 | 512.497.683 |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | 67.450.890.997 | 41.731.460.260 |
| ▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt | 15.920.662.537 | 14.208.885.719 |
| ▪ Thuế xuất khẩu | 31.009.844.441 | 30.992.961.101 |
| | <hr/> 295.222.033.283 | <hr/> 241.009.775.009 |
| Doanh thu thuần | <hr/> 16.826.851.892.984 | <hr/> 17.851.896.561.575 |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

29. Giá vốn hàng bán

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thành phẩm đã bán | 13.188.489.538.270 | 13.158.966.275.942 |
| Hàng hoá đã bán | 899.851.855.533 | 1.676.149.419.912 |
| Dịch vụ đã cung ứng | 26.143.183.678 | 19.376.754.226 |
| Giá vốn của đất cho thuê | 15.779.228.922 | 27.733.529.429 |
| Hợp đồng xây dựng | 1.447.778.044 | 28.771.855.253 |
| Giá vốn của căn hộ đã bán | 260.346.416.138 | - |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (50.415.434.091) | 68.115.056.337 |
| | <hr/> 14.341.642.566.494 | <hr/> 14.979.112.891.099 |

30. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2012 VND | 2011 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi | 69.159.064.148 | 174.247.370.369 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 32.327.219.920 | 113.737.387.796 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 1.360.532.817 | 34.766.367.178 |
| Lãi từ thanh lý công ty con của một công ty con | - | 3.328.754.855 |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn | 61.093.160.000 | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 684.635.296 | 3.199.061.889 |
| | <hr/> 164.624.612.181 | <hr/> 329.278.942.087 |

31. Chi phí tài chính

| | 2012 VND | 2011 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 526.970.967.624 | 765.583.007.409 |
| Chiết khấu thanh toán | 10.837.433.095 | 9.064.437.774 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 36.562.312.844 | 162.216.188.631 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 2.466.425.644 | 109.117.379.934 |
| Lỗ thanh lý đầu tư dài hạn vào một công ty liên kết và giải thể một công ty con | - | 12.806.773.689 |
| Chi phí tài chính khác | 8.186.965.966 | 11.042.917.423 |
| | <hr/> 585.024.105.173 | <hr/> 1.069.830.704.860 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

32. Thu nhập khác

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 51.448.674.795 | 12.880.973.188 |
| Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ | 109.974.610.976 | 82.860.346.608 |
| Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác | 746.555.121 | 6.320.806.522 |
| Thu hồi các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ | 3.438.901.761 | - |
| Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc | 27.840.010.801 | - |
| Thu nhập khác | 16.823.546.570 | 12.227.969.037 |
| | 210.272.300.024 | 114.290.095.355 |

33. Chi phí khác

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang đã thanh lý và xóa sổ | 53.325.542.178 | 17.211.164.468 |
| Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp | 105.586.225.602 | 83.170.831.689 |
| Bồi thường cho đơn vị khác | 22.614.020.434 | 16.510.895.194 |
| Chi phí khác | 13.803.250.882 | 10.563.735.080 |
| | 195.329.039.096 | 127.456.626.431 |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

34. Thuế thu nhập

34.1. Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| | 2012 VND | 2011 VND |
|---|-----------------|------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 168.073.770.557 | 202.177.532.246 |
| Điều chỉnh cho các năm trước | 208.304.920 | 6.964.432.235 |
| | 168.282.075.477 | 209.141.964.481 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | 3.886.216.637 | (1.340.182.912) |
| Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận | - | (15.509.441.566) |
| Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trong các năm trước | 15.531.619.023 | - |
| | 19.417.835.660 | (16.849.624.478) |
| | 187.699.911.137 | 192.292.340.003 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

34.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 1.218.205.340.654 | 1.489.142.843.681 |
| Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán | | |
| Lỗ nhận được từ các công ty liên kết | (541.298.162) | (10.750.989.141) |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 125.092.018.440 | 124.577.922.101 |
| Hoàn nhập dự phòng thôi việc | (22.186.024.154) | - |
| Chi phí không được khấu trừ khác | 34.136.034.739 | 55.817.012.032 |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | (6.683.958.020) | (4.580.123.435) |
| | 1.348.022.113.497 | 1.654.206.665.238 |
| Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận | (58.729.817.637) | (3.849.230.040) |
| Thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 1.289.292.295.860 | 1.650.357.435.198 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 322.323.073.965 | 412.589.358.800 |
| Ưu đãi thuế đối với các công ty con | (136.084.420.204) | (148.625.709.581) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con | (18.164.883.204) | (61.786.116.973) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 168.073.770.557 | 202.177.532.246 |
| Thuế TNDN phải trả đầu năm | 168.012.714.066 | 167.729.483.964 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước | 208.304.920 | 6.964.432.235 |
| Thuế TNDN nộp thừa đầu năm | (475.508.634) | (1.015.775.847) |
| Thuế TNDN nộp thừa được hoàn trả trong năm | - | 812.890.342 |
| Thuế TNDN tạm nộp năm trước trên tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ | (5.274.697.905) | - |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm | (221.484.562.928) | (209.962.783.258) |
| Giảm khác | 390.389.023 | 666.636.553 |
| Thuế TNDN phải trả cuối năm | 109.450.409.099 | 167.372.416.235 |
| Trong đó: | | |
| ▪ Thuế TNDN phải nộp cuối năm | 124.017.842.930 | 168.012.714.066 |
| ▪ Thuế TNDN nộp thừa cuối năm | (14.567.433.831) | (640.297.831) |

34.3. Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền trong năm, được tính như sau:

35.1. Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2012 VND | 2011 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông | 994.024.322.436 | 1.236.437.722.443 |

35.2. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

| | 2012 VND | 2011 VND (đã được trình bày trước đây) |
|---|---------------------------|---|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm (*) | 344.980.178 | 317.849.760 |
| Ảnh hưởng trả cổ tức bằng cổ phiếu | 69.841.425 | 31.361.348 |
| Cổ phiếu quỹ mua trong năm | - | (3.190.543) |
| Cổ phiếu quỹ bán trong năm | 1.848.618 | - |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm | 416.670.221 | 346.020.565 |

(*) Số cổ phiếu phổ thông này bao gồm 31.361.348 cổ phiếu được phát hành để trả cổ tức vào ngày 21 tháng 12 năm 2011 (xem Thuyết minh 25).

35.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 2012 VND | 2011 VND (đã được trình bày trước đây) |
|---|---------------------------|---|
| Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông | 994.024.322.436 | 1.236.437.722.443 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm | 416.670.221 | 346.020.565 |
| | 2.386 | 3.573 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

35.4. Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trong năm, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu (xem Thuyết minh 25). Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được điều chỉnh lại như sau:

| | Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền | Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND |
|--|---|------------------------------------|
| Số báo cáo trước đây | 346.020.565 | 3.573 |
| Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2012 | 69.841.425 | (600) |
| Số điều chỉnh lại | 415.861.990 | 2.973 |

36. Các công cụ tài chính

36.1. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng,
- rủi ro thanh khoản, và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

36.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu của Tập đoàn.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

| | Thuyết minh | 31/12/2012 Triệu VND | 31/12/2011 Triệu VND |
|--|--------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền | (i) | 1.287.203 | 1.058.789 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn | (ii) | 224.661 | 4.000 |
| Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác | (iii) | 1.264.648 | 1.558.380 |
| | | 2.776.512 | 2.621.169 |

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng và một số công ty khác. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản đầu tư này và không cho rằng các tổ chức tài chính và các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

| | 2012 | 2011 |
|---|------------------|------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Số dư đầu năm | 13.082 | 8.743 |
| Tăng dự phòng trong năm | 166.860 | 5.172 |
| Giảm do thanh lý một công ty con (Thuyết minh 37) | (10) | - |
| Hoàn nhập | (1.343) | (833) |
| | 178.589 | 13.082 |

Khoản dự phòng phải thu khó đòi bao gồm 164.000 triệu VND được lập cho khoản phải thu khác đã được trình bày trên Thuyết minh 7.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở trên, không cần thiết phải lập thêm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Chưa quá hạn | 1.067.896 | 1.333.578 |
| Quá hạn từ 0 – 30 ngày | 156.396 | 205.443 |
| Quá hạn từ 31 – 180 ngày | 25.115 | 12.799 |
| Quá hạn trên 180 ngày | 15.241 | 6.560 |
| | 1.264.648 | 1.558.380 |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

36.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

| 31 tháng 12 năm 2012 | Giá trị ghi sổ Triệu VND | Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND | Trong vòng 1 năm Triệu VND | 1 – 2 năm Triệu VND | 2 – 5 năm Triệu VND | Hơn 5 năm Triệu VND |
|---|-------------------------------------|--|---------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Các khoản phải trả người bán và phải trả khác | 1.954.685 | 1.954.685 | 1.954.685 | - | - | - |
| Các khoản vay ngắn hạn | 4.421.193 | 4.824.198 | 4.824.198 | - | - | - |
| Các khoản vay dài hạn | 1.684.765 | 1.978.723 | 186.121 | 772.634 | 816.067 | 203.900 |
| Trái phiếu dài hạn | 200.000 | 216.553 | 216.553 | - | - | - |
| | 8.260.643 | 8.974.159 | 7.181.557 | 772.634 | 816.067 | 203.900 |
| 31 tháng 12 năm 2011 | | | | | | |
| Các khoản phải trả người bán và phải trả khác | 1.389.984 | 1.389.984 | 1.389.984 | - | - | - |
| Các khoản vay ngắn hạn | 4.048.441 | 4.412.801 | 4.412.801 | - | - | - |
| Các khoản vay dài hạn | 1.575.774 | 2.072.702 | 692.691 | 455.917 | 824.134 | 99.960 |
| Trái phiếu dài hạn | 800.000 | 1.080.000 | 140.000 | 940.000 | - | - |
| | 7.814.199 | 8.955.487 | 6.635.476 | 1.395.917 | 824.134 | 99.960 |

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì hạn mức tín dụng vay từ một số ngân hàng trong nước.

36.4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(a) Rủi ro tỷ giá

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Rủi ro tỷ giá của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá như sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | USD | USD |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.673.622 | 894.193 |
| Phải thu khách hàng | 2.380.125 | 5.936.334 |
| Tài sản tiền tệ khác | - | 1.137.846 |
| Phải trả người bán | (43.941.723) | (20.394.093) |
| Vay ngắn hạn | (65.272.411) | (49.449.087) |
| Vay dài hạn | (2.370.419) | (5.707.803) |
| Nợ phải trả tiền tệ khác | - | (73.741) |
| | <hr/> | <hr/> |
| | (105.530.806) | (67.656.351) |

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

| | Tỷ giá tại ngày | |
|---------|------------------------|-------------------|
| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| VND/USD | 20.855 | 21.250 |

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận hợp nhất trước thuế TNDN của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

| | Ảnh hưởng đối với lợi nhuận hợp nhất trước thuế TNDN VND |
|--------------------------------------|---|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | |
| USD (mạnh thêm 4% so với VND) | (88.033.798.365) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 | |
| USD (mạnh thêm 4,3% so với VND) | (62.094.844.291) |

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận hợp nhất trước thuế TNDN của Tập đoàn.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(b) Rủi ro lãi suất

Tại ngày lập báo cáo, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày lập báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

| | Giá trị ghi sổ | |
|--|-------------------------|-------------------------|
| | 31/12/2012 Triệu VND | 31/12/2011 Triệu VND |
| Các công cụ tài chính có lãi suất cố định | | |
| Tài sản tài chính | 1.347.886 | 817.202 |
| Nợ phải trả tài chính | (4.851.402) | (3.896.647) |
| | <u>(3.503.516)</u> | <u>(3.079.445)</u> |
| Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi | | |
| Nợ phải trả tài chính | (1.454.556) | (2.020.844) |

Nếu lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi thả nổi thay đổi 1% một năm sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận hợp nhất trước thuế TNDN của Tập đoàn khoảng 14.546 triệu VND (năm 2011: 20.208 triệu VND).

36.5. Giá trị hợp lý

(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

| | 31/12/2012 | | 31/12/2011 | |
|---|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Giá trị ghi sổ Triệu VND | Giá trị hợp lý Triệu VND | Giá trị ghi sổ Triệu VND | Giá trị hợp lý Triệu VND |
| Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu: | | | | |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.294.494 | 1.294.494 | 1.064.384 | 1.064.384 |
| - Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác | 1.264.648 | 1.264.648 | 1.558.380 | 1.558.380 |
| - Các tài sản tài chính khác | 224.661 | 224.661 | 4.000 | 4.000 |
| Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: | | | | |
| - Các khoản phải trả người bán và phải trả khác | 1.932.593 | 1.932.593 | 1.389.984 | 1.389.984 |
| - Các khoản vay | (6.305.958) | (6.251.522) | (6.424.215) | (6.360.138) |
| | <u>(1.589.562)</u> | <u>(1.535.126)</u> | <u>(2.407.467)</u> | <u>(2.343.390)</u> |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tài sản tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý của các khoản tài sản tài chính phi phái sinh được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

| | 2012 | 2011 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 698.414.250.000 | 313.613.480.000 |
| Các khoản thanh toán phi tiền tệ từ việc thanh lý công ty con của một công ty con | - | 42.415.974.587 |
| Các khoản thanh toán phi tiền tệ để mua thêm phần sở hữu của cổ đông thiểu số của một công ty con | - | 5.700.000.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang | 3.637.095.409 | 7.062.289.715 |
| Tài sản thuần của một công ty con thanh lý trong năm tại ngày thanh lý: | | |
| • Tiền và các khoản tương đương tiền | 717.862.192 | - |
| • Các khoản phải thu ngắn hạn | 67.463.205.734 | - |
| • Hàng tồn kho (sau khi trừ dự phòng giảm giá hàng tồn kho) | 20.112.435.473 | - |
| • Tài sản ngắn hạn khác | 239.083.685 | - |
| • Tài sản cố định hữu hình - giá trị còn lại | 14.671.602.827 | - |
| • Tài sản cố định vô hình - giá trị còn lại | 9.503.981.699 | - |
| • Xây dựng cơ bản dở dang | 675.421.490 | - |
| • Chi phí trả trước dài hạn | 607.802.227 | - |
| • Nợ ngắn hạn | (33.166.861.590) | - |

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan:



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|---------------|
| | 2012 VND | 2011 VND |
| Thành viên của Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị | | |
| Lương và thưởng | 5.247.050.747 | 5.470.270.000 |
| Thù lao | 2.646.000.000 | 5.864.000.000 |

39. Các cam kết

39.1 Chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 477.161.062.664 | - |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 1.518.235.019.557 | 93.302.724.880 |
| | 1.995.396.082.221 | 93.302.724.880 |

39.2 Hợp đồng thuê

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Trong vòng một năm | 3.971.941.597 | 4.440.770.458 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 10.876.303.724 | 6.039.821.904 |
| Sau năm năm | 58.758.170.924 | 46.517.868.866 |
| | 73.606.416.245 | 56.998.461.228 |

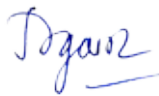
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2012 | 2011 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và kinh doanh | 11.460.355.982.964 | 11.603.585.291.162 |
| Chi phí nhân công | 530.032.080.739 | 466.706.171.366 |
| Chi phí khấu hao | 596.227.337.059 | 541.922.822.267 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.540.952.035.136 | 1.335.847.084.764 |
| Chi phí khác | 650.986.015.744 | 3.308.146.513.259 |

Người lập:



Lý Thị Ngan
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

2012
ANNUAL
REPORT

TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

39 Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84) 4 36282011

Fax: (84) 4 62833456

